VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1319/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/QH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ: ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại Tờ trình số 170 /TTr-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận và Văn bản số 4632/UBND-KTTH ngày 05 tháng 11 năm 2023; Báo cáo thẩm định số 420/BC-HĐTĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 về Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo ĐMC của Quy hoạch; Văn bản số 8172/BKHĐT-QLQH ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về rà soát tổng thể hồ sơ trình phê duyệt và dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

1. Phần lãnh thổ đất liền:

Phạm vi lập quy hoạch đối với phần lãnh thổ đất liền bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Ninh Thuận, quy mô 3.355 km^2 gồm 07 đơn vị hành chính cấp huyện, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp với tỉnh Khánh Hòa;

- Phía Nam: Giáp với tỉnh Bình Thuận;

- Phía Đông: Giáp với biển Đông;

- Phía Tây: Giáp với tỉnh Lâm Đồng;

Tỉnh Ninh Thuận có tọa độ địa lý từ 108°009’08” đến 109°014’25” kinh độ Đông và từ 10°42’36” đến 12°009’15” vĩ độ Bắc.

2. Phần không gian biển: Được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với các chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước; thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021 - 2030, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030; phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 và Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021; bảo đảm tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, phù hợp với hệ thống quy hoạch cấp quốc gia;

b) Phát triển nhanh gắn liền với đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển nền kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các bon thấp hướng tới đưa phát thải ròng bằng “0”, phát triển bền vững nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh;

c) Phát huy lợi thế địa lý của tỉnh là cửa ngõ kết nối các vùng để đẩy mạnh liên kết phát triển giữa Ninh Thuận với vùng Đông Nam Bộ, các tỉnh phía Nam vùng Tây Nguyên và các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; tập trung ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng trọng điểm theo hướng hiện đại, đồng bộ, kết nối liên thông đa mục tiêu và tăng cường liên kết vùng;

d) Khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh, khác biệt về điều kiện tự nhiên, thiên nhiên, lịch sử truyền thống cách mạng, bản sắc văn hóa; tận dụng các điều kiện thuận lợi để phát triển năng lượng, năng lượng tái tạo, du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, kinh tế đô thị, tạo ra những sản

phẩm hấp dẫn và giá trị khác biệt để phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

đ) Phát huy tối đa yếu tố con người; coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn giáo dục, đào tạo, đào tạo lại đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật với thị trường lao động; nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là vùng nông thôn, miền núi và vùng ven biển;

e) Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường;

g) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Tầm nhìn chiến lược phát triển: "Ninh Thuận - Miền đất hội tụ những giá trị khác biệt"; đến năm 2050 Ninh Thuận trở thành tỉnh phát triển toàn diện, nhanh và bền vững, có nền kinh tế đa dạng và thịnh vượng; phát triển mạnh về kinh tế biển, với khu kinh tế ven biển hiện đại, kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế của tỉnh, chiếm trên 55% tổng sản phẩm nội tỉnh, hệ thống đô thị ven biển thông minh, bền vững, có bản sắc riêng, thân thiện với môi trường, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 65%; là nơi các giá trị văn hóa, lịch sử, hệ sinh thái biển, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đạt mức cao so với các địa phương khác trong cả nước, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt từ 0,8 trở lên, quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Ninh Thuận trở thành tỉnh có mức thu nhập bình quân thuộc nhóm trung bình cao của cả nước, phát triển năng động, nhanh và bền vững với kinh tế biển, kinh tế đô thị là động lực tăng trưởng; phát triển trọng tâm tại khu vực phía Nam tỉnh tạo tiền đề cơ sở hình thành Khu kinh tế ven biển; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu đặc biệt là nguồn tài nguyên nước cần được đảm bảo nhu cầu sử dụng, điều hòa, phân phối hợp lý đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt khoảng 10 - 11%/năm; GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt khoảng 200 triệu đồng.

+ Tỷ trọng GRDP của khu vực công nghiệp - xây dựng khoảng 53 - 54%; khu vực dịch vụ khoảng 34 - 35%; khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản khoảng 12 - 13%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 2 - 3%.

+ Phấn đấu kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP vào năm 2030.

+ Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 50% và tiếp tục duy trì mức trên trung bình của cả nước các năm tiếp theo.

- Về xã hội:

+ Dân số tăng bình quân khoảng 1,89%/năm.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 75 - 80%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 40%.

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) bằng mức trung bình cả nước.

+ Về tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia: (i) Mầm non: 50,2%; (ii) Tiểu học: 85,8%; (iii) Trung học cơ sở: 74,6%; và (iv) Trung học phổ thông: 69,2%. Duy trì 100% số đơn vị cấp xã và 100% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi, xóa mù chữ mức độ 2.

+ Số giường bệnh/vạn dân đạt 35 giường; số bác sĩ/vạn dân đạt 11 bác sĩ.

+ Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 55 - 56%; bảo đảm 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và các công trình văn hóa cấp đô thị.

+ Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (theo chuẩn mới) giảm bình quân 1,5 - 2%/năm và đến năm 2030 còn dưới 1,5%.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức khoảng 49%.

+ Tỷ lệ dân số đô thị và nông thôn được sử dụng nước sạch đạt 100%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%, trong đó 90% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ;

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý, theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%;

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp giảm còn 10% so với lượng chất thải được thu gom;

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 98%, trong đó tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%;

+ Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn xả thải ra môi trường đạt 100%; có 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường; bảo đảm 100% nước thải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn tương đương với chất lượng nước thải ra nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích sinh hoạt.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh Ninh Thuận, đáp ứng các chỉ tiêu đối với từng đô thị trong tỉnh. Hoàn thành xây dựng cao tốc Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh. Nâng cấp, hoàn thiện mạng lưới quốc lộ bảo đảm kết nối, đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp III trở lên. Nâng cấp, mở rộng mạng lưới đường tỉnh đạt tối thiểu cấp IV trở lên; 100% tuyến đường tỉnh, đường địa phương được thảm bê tông nhựa hoặc láng nhựa, bê tông xi măng.

+ Phát triển hệ thống cảng biển Ninh Thuận, gồm khu bến Cà Ná và khu bến Ninh Chữ là cảng tổng hợp quốc gia, đóng vai trò đầu mối khu vực với chức năng bến cảng tổng hợp, hàng rời, hàng container, hàng lỏng/khí.

+ Đầu tư Cảng Hàng không Thành Sơn.

+ Phấn đấu khoảng 50% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, khoảng 20% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có ít nhất 05 huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong đó có ít nhất 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

+ Hạ tầng thông tin và truyền thông tỉnh Ninh Thuận cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến toàn trình cho người dân, doanh nghiệp; hoàn thiện hạ tầng 4G, phát triển hạ tầng 5G tại các khu đô thị, khu công nghiệp để hỗ trợ sản xuất thông minh.

- Về quốc phòng, an ninh: Phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn đạt cơ sở vững mạnh toàn diện. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thế trận quốc phòng - an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; giữ vững ổn định an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Nhiệm vụ trọng tâm

- Giải quyết các khó khăn, vướng mắc có tính chất liên ngành trong quá trình phát triển thông qua việc đánh giá thực trạng phát triển cũng như tích hợp các định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Đề xuất các giải pháp để cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh thông qua việc xây dựng các cơ chế chính sách.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển cho các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh.

- Đề xuất các giải pháp quy hoạch phát triển về năng lượng, năng lượng tái tạo; du lịch chất lượng cao; công nghiệp chế biến, chế tạo; nông nghiệp công nghệ cao; xây dựng và thị trường bất động sản; kinh tế biển và kinh tế đô thị.

b) Đột phá phát triển

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo đòn bẩy phát triển trên cơ sở kế thừa những giải pháp đã mang lại hiệu quả trong giai đoạn vừa qua; đồng thời xây dựng giải pháp mới để tạo đột phá trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh với trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin để đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh, cải cách thủ tục hành chính, minh bạch hóa thông tin để thu hút đầu tư;

- Đẩy mạnh phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng khung tạo động lực thúc đẩy liên kết vùng, trong đó ưu tiên các hạ tầng giao thông, truyền tải năng lượng, thủy lợi cấp nước, xử lý nước thải và hạ tầng đô thị;

- Thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và sản xuất, đổi mới sáng tạo, tập trung vào việc chuyển đổi số và sàn giao dịch điện tử nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, cải cách hành chính, cung cấp các dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp…; ứng dụng các mô hình sản xuất công nghệ cao để nâng cao năng suất, chất lượng cũng như khắc phục những hạn chế nội tại của tỉnh; đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp; đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng công nghệ vào sản xuất phù hợp với những đặc thù và lợi thế riêng của tỉnh Ninh Thuận, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

- Tạo đột phá trong phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt cho những ngành quan trọng như: năng lượng, năng lượng tái tạo; du lịch chất lượng cao; nông nghiệp đặc thù ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và các ngành khác nhằm đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Phương hướng phát triển ngành năng lượng, năng lượng tái tạo

- Phấn đấu đến năm 2030 năng lượng, năng lượng tái tạo chiếm tỷ trọng khoảng 12% GRDP của tỉnh, giải quyết 7,3% nhu cầu việc làm trong toàn tỉnh. Tập trung khai thác các tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên nắng, gió để phát triển điện mặt trời, điện gió ven bờ, điện gió ngoài khơi, điện khí LNG, thủy điện tích năng, nguồn năng lượng mới (hydro, thủy triều, sinh khối,…).

- Phát triển nguồn năng lượng Hydrogen xanh từ việc sử dụng năng lượng tự tiêu, năng lượng tái tạo tại chỗ hướng đến ngành công nghiệp xanh phù hợp với cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26.

b) Phương hướng phát triển các ngành du lịch chất lượng cao

- Phấn đấu đến năm 2030, du lịch phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng bền vững, đóng góp 15% GRDP toàn tỉnh.

- Du lịch Ninh Thuận trở thành điểm đến đặc biệt hấp dẫn, có năng lực cạnh tranh cao so với khu vực và cả nước. Phát triển theo hướng "Bền vững - Chất lượng cao - Độc đáo"; vừa phát triển du lịch truyền thống, vừa tạo dựng các loại hình mới, độc đáo về khí hậu, khám phá sáng tạo là điểm đến hấp dẫn, khác biệt, có sức cạnh tranh cao đối với các khu vực trong nước và quốc tế; khai thác hiệu quả lợi thế tài nguyên du lịch hiện có và biến những hạn chế thành tiềm năng du lịch khác biệt; tập trung nguồn lực đầu tư phát triển khu du lịch Quốc gia Ninh Chữ.

- Phát triển tập trung vào các khu vực dọc theo dải ven biển làm động lực với các lợi thế tiềm năng hiện có như vịnh, bãi tắm. Bên cạnh đó, ưu tiên chú trọng các khu vực đặc thù khác như: các cồn cát, khu vực sản xuất muối theo định hướng sản phẩm du lịch mới lạ, độc đáo, khác biệt. Tạo dựng các liên kết phát triển du lịch nội vùng và liên vùng, đặc biệt là liên kết giữa Nha Trang - Đà Lạt - Ninh Thuận, trong đó phát triển Ninh Thuận là một trong những điểm đến quan trọng trong vùng.

c) Phương hướng phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

- Phấn đấu đến năm 2030 tỷ trọng ngành công nghiệp chiếm 40% giá trị GRDP toàn tỉnh, trong đó tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 25 - 30%. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp luyện kim, công nghiệp chế biến các sản phẩm đặc thù, tổ hợp sản xuất hóa chất sau muối để khai thác lợi thế về nguồn năng lượng tái tạo tại chỗ.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với khu vực cảng biển và trung tâm logistics theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường, tăng trưởng xanh.

d) Phương hướng phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Phấn đấu đến năm 2030, tỷ trọng ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 7 - 8% GRDP của tỉnh. Phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh hiện đại, đồng bộ, năng suất, chất lượng, có giá trị kinh tế cao, thân thiện môi trường, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, mở rộng thị trường tiêu thụ, hướng đến xuất khẩu.

- Ưu tiên phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các khu vực, gồm: huyện Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam với các vùng sản xuất tôm giống; các huyện Ninh Hải, Ninh Phước, Ninh Sơn, Thuận Bắc, Thuận Nam và Bác Ái với các vùng sản xuất rau, cây ăn quả, nho, sản xuất mía đường.

đ) Phương hướng phát triển ngành xây dựng và thị trường bất động sản

- Phấn đấu đến năm 2030, ngành xây dựng và kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng khoảng 19 - 20% GRDP toàn tỉnh.

- Phát triển ngành xây dựng đáp ứng nhu cầu đầu tư, xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng của đô thị - nông thôn đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu, góp phần phát triển kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững, nâng cao chất lượng sống tại đô thị, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu, có bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy.

- Phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, bền vững, đa dạng các loại hình bất động sản nhà ở, thương mại, du lịch, công nghiệp,… phù hợp nhu cầu của thị trường với chất lượng tốt và giá cả hợp lý; ứng dụng công nghệ vào xây dựng, quản lý, kinh doanh bất động sản góp phần hiện đại hóa ngành xây dựng nói chung và thị trường bất động sản nói riêng của tỉnh Ninh Thuận ngày một phát triển.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Phương hướng phát triển ngành giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hướng đến phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp phân bố hợp lý trên địa bàn các huyện/thành phố phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội của từng địa phương, đảm bảo tiếp cận vùng đồng bào dân tộc thiểu số, duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, nâng dần giáo dục mũi nhọn để tăng số học sinh đạt giải tại các kỳ thi quốc gia và quốc tế. Thực hiện tốt công tác phân luồng, hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vững vàng về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về chuyên nghiệp vụ chuyên môn. Khuyến khích thực hiện xã hội hóa giáo

dục, huy động các nguồn lực hợp pháp để tham gia đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, nghề nghiệp và đại học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, an toàn đáp ứng đầy đủ nhu cầu giáo dục của nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng đa dạng, chất lượng, hiệu quả, dễ tiếp cận và công bằng, với nhiều phương thức và trình độ theo nhu cầu học tập và nâng cấp kỹ năng nghề nghiệp của người lao động. Đảm bảo đào tạo nghề nghiệp gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, gắn kết với doanh nghiệp, đặc biệt là nhu cầu đào tạo lao động chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

b) Phương hướng phát triển lĩnh vực lao động việc làm và an sinh xã hội

Phát triển toàn diện nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển. Chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực; bảo đảm việc làm ổn định.

Thực hiện tốt chế độ, chính sách và huy động xã hội hóa nguồn lực chăm lo người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chương trình, đề án, dự án về giảm nghèo bền vững, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

c) Phương hướng phát triển lĩnh vực y tế

Xây dựng hệ thống y tế tỉnh Ninh Thuận từng bước hiện đại, đồng bộ, đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với lĩnh vực y tế dự phòng, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người dân . Củng cố, phát triển hệ thống các bệnh viện, cơ sở y tế chất lượng cao gắn với du lịch nghỉ dưỡng - chăm sóc sức khỏe. Phát triển hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có phẩm chất đạo đức tốt, đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

d) Phương hướng phát triển lĩnh vực khoa học công nghệ

Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; lấy doanh nghiệp làm trung tâm của đổi mới sáng tạo, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ khoa học - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thuộc các chương trình trọng điểm cấp quốc gia, tập trung vào các nội dung về phát triển kinh tế, sản xuất, đời sống, thích ứng với biến đổi khí hậu, năng lượng tái tạo, nâng cao giá trị hàng hóa có thế mạnh của tỉnh, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

đ) Phương hướng phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao

Xây dựng nền văn hóa phát triển toàn diện gắn với mục tiêu phát triển con người, có nét đặc sắc riêng, bảo tồn truyền thống tộc người Raglai, Chăm...; phát triển du lịch bền vững gắn với bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa. Tập trung xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Phát triển phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những môn có thế mạnh; quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao phục vụ đời sống nhân dân.

e) Phương hướng phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông

Phát triển hệ thống thông tin, truyền thông và hạ tầng số đồng bộ, nhằm tăng cường khả năng kết nối thông suốt, phục vụ công cuộc chuyển đổi số toàn diện và phát triển kinh tế số; chuyển từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số và khuyến khích phát triển các nền tảng số để ứng dụng trong lĩnh vực bưu chính. Phát triển các cơ quan báo chí theo mô hình Trung tâm truyền thông đa phương tiện, chuyển đổi số, đầu tư các trang thiết bị hiện đại, các hệ thống phần mềm, ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động thu thập thông tin, phân tích số liệu, sản xuất tin bài.

g) Quốc phòng, an ninh

Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, xử lý kịp thời, hiệu quả mọi tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội và phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

a) Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

Tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận theo 04 vùng lãnh thổ, 03 vùng động lực, 03 hành lang phát triển, cụ thể như sau:

- 04 vùng lãnh thổ gồm: Vùng trung tâm (thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và phụ cận), vùng phía Bắc (huyện Thuận Bắc, huyện Ninh Hải), vùng phía Tây (huyện Ninh Sơn, huyện Bác Ái) và vùng phía Nam (huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam).

- Vùng động lực phát triển

+ Vùng đô thị động lực Phan Rang - Tháp Chàm: bao gồm không gian thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và các huyện Thuận Bắc, Ninh Hải, Ninh Phước.

Đây là vùng phát triển tổng hợp đa ngành với đô thị Phan Rang - Tháp Chàm là trung tâm vùng, các đô thị vệ tinh phụ trợ có các chức năng riêng biệt gồm Lợi Hải (công nghiệp); Thanh Hải (du lịch); Phước Dân (thương mại dịch vụ, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề);

+ Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh: bao gồm không gian huyện Thuận Nam và huyện Ninh Phước; là vùng phát triển công nghiệp - cảng biển - năng lượng, thương mại dịch vụ và du lịch; trong đó đô thị Phước Nam là trung tâm vùng; các đô thị phụ trợ với chức năng riêng biệt gồm Cà Ná (công nghiệp - cảng biển); Sơn Hải (du lịch - dịch vụ);

+ Vùng phát triển phía Tây: bao gồm không gian huyện Ninh Sơn và huyện Bác Ái; là vùng phát triển thương mại dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng và du lịch; trong đó trung tâm vùng phát triển phía Tây là đô thị Tân Sơn, các đô thị phụ trợ với các chức năng riêng biệt gồm Lâm Sơn (thương mại dịch vụ và năng lượng) và Phước Đại (thương mại dịch vụ, đào tạo và điều phối năng lượng).

- Các hành lang kinh tế

+ Hành lang phát triển đa dạng: Bám dọc theo các trục tuyến giao thông huyết mạch Bắc - Nam Quốc lộ 1, cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo đi qua tỉnh, là hành lang có tiềm năng phát triển quan trọng và đa dạng nhất, kết nối hệ thống đô thị, công nghiệp, cảng biển của tỉnh Ninh Thuận.

+ Hành lang phát triển sinh thái: Bám dọc theo trục Đông - Tây, Quốc lộ 27, 27B và không gian sinh thái dọc sông Dinh, vườn quốc gia Phước Bình kết nối phát triển nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các cụm công nghiệp phụ trợ, sản xuất nông nghiệp, năng lượng và du lịch trải nghiệm, trung tâm điều phối năng lượng thủy điện tích năng Bác Ái, năng lượng tái tạo.

+ Hành lang phát triển ven biển: Bám dọc theo tuyến đường ven biển (TL701, 702) từ Bắc đến Nam và khu vực vùng bờ, là khu vực có mật độ thấp, phát triển du lịch là chủ đạo gắn với Khu dự trữ sinh quyển thế giới vườn quốc gia Núi Chúa, phát triển sản phẩm du lịch khác biệt gắn với 06 đô thị ven biển (Vĩnh Hy, Thanh Hải, Khánh Hải, Phan Rang - Tháp Chàm, Sơn Hải, Cà Ná) và các khu đô thị du lịch, khu chức năng ven biển được cụ thể hóa trong quy hoạch khu du lịch quốc gia Ninh Chữ.

b) Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện giai đoạn 2023 - 2030

- Giai đoạn 2023 - 2025: Không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện phải sắp xếp.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định.

c) Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2030

- Giai đoạn 2023 - 2025:

+ Không có đơn vị hành chính nông thôn cấp xã thành đơn vị hành chính nông thôn cùng cấp.

+ Có 03 đơn vị hành chính cấp phường thuộc diện sắp xếp là: Phường Kinh Dinh, Phường Thanh Sơn, Phường Mỹ Hương thuộc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; đồng thời có 02 phường Phủ Hà, Đài Sơn là đơn vị hành chính cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính khi thực hiện phương án sắp xếp, cụ thể đến năm 2025 tỉnh Ninh Thuận sẽ thực hiện sáp nhập một phần diện tích Phường Đài Sơn vào Phường Thành Sơn và một phần Phường Đài Sơn vào Phường Phủ Hà, để đảm bảo về tiêu chí diện tích và dân số theo quy định, đồng thời sáp nhập hoàn toàn Phường Kinh Dinh vào Phường Mỹ Hương. Sau khi sắp xếp tỉnh Ninh Thuận sẽ giảm 2 đơn vị hành chính cấp Phường.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Nội dung sắp xếp đơn vị hành chính đề xuất nêu trên là phương án dự kiến. Việc sắp xếp đơn vị hành chính sẽ tiếp tục được cập nhật sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tuân thủ theo pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và thực hiện theo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tinh thần Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

a) Hệ thống đô thị tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030

Khi có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, phấn đấu đến năm 2030 tỉnh có 12 đô thị, gồm: 01 đô thị loại II là Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; 04 đô thị loại IV trong đó có 02 đô thị hiện hữu là Tân Sơn, Phước Dân và 02 đô thị mới gồm Phước Nam, Cà Ná (phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại V giai đoạn 2021 - 2025); 07 đô thị loại V, trong đó có 01 đô thị hiện hữu Khánh Hải và 06 đô thị mới gồm Lợi Hải; Phước Đại; Thanh Hải (phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại V giai đoạn 2021-2025) và Lâm Sơn, Vĩnh Hy, Sơn Hải.

Phát triển 06 đô thị ven biển (Vĩnh Hy, Thanh Hải, Khánh Hải, Phan Rang - Tháp Chàm, Sơn Hải, Cà Ná) thuộc dải ven biển, phát triển theo cấu trúc không gian đan xen, hỗn hợp đô thị - du lịch (được cụ thể hóa trong các đồ án quy hoạch chung khu du lịch quốc gia Ninh Chữ). Định hướng phát triển và tổ chức không gian các khu đô thị du lịch và các khu chức năng phù hợp với định hướng phát triển của các đô thị ven biển.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

b) Định hướng phát triển tỉnh lỵ

Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm phát triển gắn với các không gian mở rộng là các khu vực dự kiến phát triển đô thị, gồm 04 không gian động lực, tạo tiền đề thúc đẩy phát triển thành phố trở thành đô thị du lịch vùng Nam Trung Bộ với các tính chất như sau:

- Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, du lịch, dịch vụ, giáo dục, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao của Tỉnh Ninh Thuận, là đô thị trung tâm của Tỉnh phát triển theo định hướng phát triển bền vững, xanh và thông minh.

- Là thành phố du lịch thứ 05 của tiểu vùng du lịch phía Nam của vùng Nam Trung Bộ (04 đô thị du lịch hiện hữu gồm Đà Nẵng, Nha Trang, Quy Nhơn, Phan Thiết), là đô thị quan trọng trong tam giác phát triển du lịch Nha Trang - Đà Lạt - Phan Rang - Tháp Chàm, là một trong những trung tâm du lịch hấp dẫn, khác biệt của miền Trung, trong nước và thế giới.

- Là đầu mối giao thông liên vùng, trung tâm giao lưu kinh tế với vùng Tây Nguyên, vùng duyên hải miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và miền Đông Nam bộ.

2. Phương án sắp xếp đơn vị hành chính các đô thị: Căn cứ các tiêu chuẩn theo quy định, giai đoạn 2023 - 2025 không có đơn vị hành chính đô thị nào thuộc diện phải sắp xếp

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Hệ thống nông thôn tỉnh Ninh Thuận phát triển gắn với chương trình nông thôn mới của Tỉnh, phù hợp với các định hướng nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, thương mại, quá trình đô thị hóa của tỉnh và các đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương. Việc sắp xếp, bố trí không gian phát triển nông thôn đảm bảo tiết kiệm quỹ đất, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện vật chất cho người dân, gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, chuyển đổi mô hình sản xuất và có tính lâu dài bền vững, không phát triển tại các vùng có nguy cơ sạt lở cao, vùng thường xảy ra lũ quét.

Hình thái, mô hình phân bố khu dân cư nông thôn tỉnh Ninh Thuận phù hợp với các điều kiện tự nhiên, địa hình, khu vực ven sông, ven biển, kết nối với các tuyến giao thông, các vùng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và các đô thị theo 03 vùng:

- Vùng đồng bằng: Phát triển các khu dân cư nông thôn gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có giá trị kinh tế, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa kết hợp dịch vụ du lịch, công nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, dịch vụ…

- Vùng ven biển: Phát triển các khu dân cư nông thôn gắn với khai thác lợi thế phát triển kinh tế biển, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ du lịch, du lịch trải nghiệm, phát triển nghề cá, trung tâm dịch vụ nghề cá, các vùng nuôi trồng thủy sản phục vụ xuất khẩu với quy mô lớn, đặc biệt là nuôi tôm sú.

- Vùng trung du, miền núi: Phát triển các khu dân cư nông thôn gắn với các hoạt động lâm nghiệp, các nghề trồng, chăm sóc, bảo vệ sinh thái rừng, trồng cây công nghiệp như: điều, cây ăn quả, dược liệu, trồng cỏ, ngô... phục vụ chăn nuôi. Phát triển làng nghề, khuyến khích phát triển các mô hình nông nghiệp gắn với du lịch, du lịch cộng đồng, có hiệu quả kinh tế, bền vững, phát huy, bảo tồn văn hóa truyền thống.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển khu kinh tế

Dự kiến thành lập Khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh (với quy mô dự kiến khoảng 43.900 ha) thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tỉnh Ninh Thuận, nằm trên địa bàn các huyện Thuận Nam và Ninh Phước (theo Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV và Nghị quyết 15-NQ-TU ngày 11/01/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2025 và Thông báo số 171/TB-VPCP ngày 08/6/2022, Thủ tướng Chính phủ). Khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh là động lực tăng trưởng mới của tỉnh với các dự án động lực, có quy mô lớn như: Cảng và dịch vụ Cảng,

logistics, năng lượng, năng lượng tái tạo, các ngành công nghiệp nặng, quy mô lớn, các khu đô thị hiện đại, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Thành lập Khu kinh tế ven biển khi đủ điều kiện theo quy định và đảm bảo về chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia được phân bổ để khai thác tiềm năng lợi thế về kinh tế biển nhằm huy động tối đa nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư có nguồn lực tài chính, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại; ưu tiên thu hút vào các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, mang lại giá trị gia tăng cao, tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy, nâng cao hiệu quả kinh tế các khu công nghiệp đã thành lập. Phát triển theo chiều sâu các khu công nghiệp có tính cạnh tranh quốc gia và quốc tế. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp.

- Tiếp tục phát triển 03 khu công nghiệp hiện có và 01 khu công nghiệp thành lập mới với tổng diện tích 1.682 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

3. Phương án phát triển cụm công nghiệp

Thành lập mới 11 cụm công nghiệp với tổng diện tích là 515,28 ha khi đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định về cụm công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh có 19 cụm công nghiệp với tổng diện tích là 770,04ha.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

4. Phương án phát triển khu du lịch

Tập trung phát triển các khu vực có ưu thế về du lịch biển (vịnh, bãi tắm), hồ, cồn cát và khu vực sản xuất muối theo định hướng sản phẩm du lịch mới lạ, độc đáo, khác biệt, trong đó chú trọng phát triển các khu vực sau:

- Khu du lịch quốc gia Ninh Chữ: thuộc khu vực dải không gian ven biển tỉnh Ninh Thuận, thuộc địa giới hành chính của thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Thuận Bắc, huyện Ninh Hải, huyện Ninh Phước và huyện Thuận Nam; Phát triển trọng tâm là các hoạt động kinh tế du lịch khai thác các giá trị kinh tế biển, các giá trị sinh thái cảnh quan đa dạng, có tính đặc thù cao góp phần tạo dựng môi trường biển độc đáo, tạo dựng thương hiệu riêng thông qua việc khai thác các điểm nhấn khác biệt so với các tỉnh khác: biển đẹp, vẫn giữ vẻ đẹp tự nhiên, vùng gió, nắng và cát cho các hoạt động thể thao biển đặc thù, vùng nước trồi và các sinh vật đặc thù; phát triển trở thành một trong các vùng du lịch trọng điểm quốc gia, là điểm đến hấp dẫn, khác biệt, có sức cạnh tranh cao trong khu vực, cả nước và quốc tế.

- Khu du lịch cấp tỉnh, gồm các khu: Khu du lịch Hồ Tân Giang, hồ Sông Trâu, hồ Sông Sắt với các loại hình du lịch độc đáo, đa dạng, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên, khí hậu và bản sắc của từng khu vực. Phát triển đồng thời các khu du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, di sản, du lịch sinh thái rừng.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

5. Phương án phát triển các khu thể dục, thể thao

- Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thể dục thể thao, khu luyện tập thể dục thể thao tại các huyện, thành phố phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch khác có liên quan và quy định của pháp luật. Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh, gồm: Trung tâm thể dục, thể thao và nhà thi đấu tỉnh, nâng cấp sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ khác.

- Tiếp tục triển khai các khu du lịch nghỉ dưỡng, thương mại, vui chơi, giải trí, thể thao, khu đô thị sinh thái cao cấp, sân gôn đã được chấp thuận chủ trương đầu tư tại các huyện và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Thu hút đầu tư phát triển các khu dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao, sân gôn mới tại các huyện và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm khi tỉnh được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

6. Phương án phát triển đối với khu vực quy hoạch địa điểm xây dựng nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và 2

- Giữ các vị trí đã quy hoạch xây dựng các nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và 2 làm đất dự trữ chiến lược lâu dài cho năng lượng, đảm bảo thuận lợi để thu hồi sau này khi có yêu cầu thực hiện các dự án quan trọng quốc gia.

- UBND tỉnh Ninh Thuận quy hoạch để khai thác, sử dụng đất dự trữ chiến lược này hiệu quả, phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo lợi ích của người dân, không quy hoạch, không phát triển các dự án đầu tư có thời hạn dài, các khu dân cư, khu đô thị mới; khuyến khích thu hút các dự án có thời hạn sử dụng đất ngắn 20 - 30 năm. Quan tâm đầu tư nâng cấp, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, cấp bách phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân trong vùng quy hoạch địa điểm xây dựng 2 nhà máy điện hạt nhân: giao thông, điện, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, các công trình giáo dục, phúc lợi xã hội.... đảm bảo đồng bộ, kết nối, liên thông với các khu vực xung quanh.

7. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Tiếp tục bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học của Vườn quốc gia Núi Chúa (Ninh Hải), Vườn quốc gia Phước Bình (Bác Ái) và Khu dự trữ thiên nhiên

Đầm Nại (Ninh Hải); Đèo Ngoạn Mục huyện Ninh Sơn gắn với phát triển du lịch, nghiên cứu khoa học và tham quan phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội. Kết hợp với bảo tồn, tôn tạo các điểm di tích, các điểm dịch vụ trên toàn bộ vùng di tích.

- Phát triển bảo vệ tài nguyên rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi sinh thái rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, nghiên cứu khoa học, phát triển du lịch sinh thái bền vững trên địa bàn vùng đệm của vườn Quốc gia Phước Bình và vườn Quốc gia Núi Chúa.

8. Phương án xác định khu quân sự, an ninh

- Các khu quân sự, an ninh đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất do Thủ tướng Chính phủ phân bổ. Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Khu vực phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (PCCC&CNCH): Bố trí các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy tại trung tâm các huyện, thành phố, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm có nguy cơ về cháy nổ, đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc và đáp ứng các quy định hiện hành.

9. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

- Các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn được xác định theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Đầu tư xây dựng, kiên cố hóa, nâng cấp mạng lưới giao thông nông thôn, kết nối liên thông mạng lưới giao thông nông thôn với các trục đường tỉnh, quốc lộ; xây dựng mới, kiên cố hóa công trình thủy lợi; đầu tư, thu hút các nguồn vốn xây dựng, mở rộng hệ thống cấp nước sạch; đầu tư cải tạo, nâng cao độ tin cậy hệ thống điện.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách khác dành cho đối tượng thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn. Thực hiện tốt chính sách khuyến nông, khuyến lâm, khuyến khích sản xuất, phổ biến tri thức kinh doanh, kỹ thuật, hình thành chuỗi liên kết phát triển kinh tế bền vững với các vùng động lực của tỉnh, các thị trường ngoài tỉnh. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi tín dụng dành cho các đối tượng thuộc địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn.

- Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng mạng lưới y tế, nâng cao năng lực khám chữa bệnh; nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng giáo dục các cấp; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội: bảo hiểm, y tế, giáo dục và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho các đối tượng thuộc khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo tồn phát huy giá trị bản sắc dân tộc.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Đường bộ

- Đường bộ quốc gia: Thực hiện theo quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có: Tuyến cao tốc Bắc Nam phía Đông (đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo) với quy mô quy hoạch 6 làn xe qua địa bàn tỉnh; 3 tuyến quốc lộ 1, quốc lộ 27, quốc lộ 27B.

- Mạng lưới đường tỉnh: Nâng cấp, cải tạo 10 tuyến đường tỉnh hiện có đạt quy mô tối thiểu đường cấp III, IV (trong đó điều chỉnh kéo dài 8 tuyến). Phát triển 07 tuyến đường tỉnh mới và 02 tuyến đường kết nối từ Cảng Cà Ná đến khu vực Nam Tây Nguyên và kết nối huyện Ninh Sơn với huyện Đức Trọng - Lâm Đồng nhằm tăng cường kết nối các khu vực trong tỉnh và kết nối liên vùng với quy mô tối thiểu đường cấp III, IV. Đối với các đoạn tuyến đi qua đô thị, đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch đô thị; đối với các đoạn tuyến đi qua các khu dân cư tập trung, nghiên cứu quy mô, hướng tuyến theo điều kiện đặc thù khu vực. Đường bộ ven biển gồm 01 tuyến được nâng cấp từ ĐT.701, ĐT.702 với quy mô tối thiểu đường cấp III.

- Phát triển một số tuyến đường mới nhằm tăng cường kết nối giữa các khu vực, khu chức năng với các tuyến đường tỉnh, khu đô thị tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp III; Nâng cấp hệ thống giao thông đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

b) Đường sắt

Định hướng quy hoạch mạng lưới đường sắt đảm bảo tuân thủ theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt được phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đường sắt quốc gia:

+ Giai đoạn đến năm 2030: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh; xây mới tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, đường đôi, khổ 1.435mm.

+ Giai đoạn đến năm 2050: Khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt. Trong trường hợp địa phương hoặc nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai sớm hơn.

- Đường sắt chuyên dụng: Phát triển tuyến đường sắt nối từ cảng tổng hợp Cà Ná đến ga Cà Ná nhằm phát triển vận tải đa phương thức trên địa bàn tỉnh, khổ 1.000mm.

c) Hàng không

Định hướng phát triển sân bay đảm bảo tuân thủ theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2023. Trong đó: Phát triển sân bay Thành Sơn thành cảng hàng không quốc nội để khai thác lưỡng dụng, quy mô sân bay cấp 4C.

d) Hạ tầng hàng hải

- Cảng biển: Định hướng phát triển cảng biển theo quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 9 năm 2021, gồm:

+ Khu bến Cà Ná: tiếp nhận tàu tổng hợp, hàng rời, hàng container, hàng lỏng/khí trọng tải lên đến 100.000 DWT và lớn hơn khi đủ điều kiện.

+ Khu bến Ninh Chữ: gồm các bến tổng hợp, bến khách, hàng lỏng tiếp nhận cỡ tàu có trọng tải đến 10.000 tấn.

- Cảng cạn: Định hướng phát triển cảng cạn theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 979/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 8 năm 2023, gồm:

+ Cảng cạn Cà Ná: Cung cấp các dịch vụ cảng cạn phục vụ cho hàng hóa xuất nhập khẩu tại các khu công nghiệp của tỉnh ở phía Nam, phân phối hàng hóa nhập khẩu cho khu vực và vùng lân cận; năng lực thông qua 150.000 - 200.000 Teu/năm.

+ Cảng cạn Lợi Hải: Cung cấp các dịch vụ cảng cạn phục vụ cho hàng hóa xuất nhập khẩu tại các khu công nghiệp của tỉnh ở phía Bắc, phân phối hàng hóa nhập khẩu cho khu vực và vùng lân cận; năng lực thông qua 50.000 - 70.000 Teu/năm.

đ) Đường thủy nội địa

- Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy đảm bảo tuân thủ theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021.

- Đường thủy nội địa địa phương: phát triển mới 03 tuyến nhằm phục vụ phát triển du lịch (luồng Ninh Chữ - Mũi Dinh - Cà Ná; luồng Bình Sơn - Hòn Đỏ - Thái An - Vĩnh Hy; luồng Bình Tiên - Bãi Kinh - Vĩnh Hy) kết nối các bến, cụm bến du lịch được quy hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Bến thủy nội địa địa phương: phát triển mới 10 bến thủy gắn với các điểm du lịch ven biển trên địa bàn tỉnh, gồm: 05 bến thủy tại huyện Ninh Hải là các bến: Bãi Kinh, Vĩnh Hy, Thái An, Bình Tiên, Hòn Đỏ; 02 bến thủy tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là bến: Bình Sơn - Ninh Chữ, bến Đông Hải; 02 bến tại huyện Thuận Nam là bến Mũi Dinh, Bến Cà Ná; 01 bến du thuyền Ninh Chữ tại huyện Ninh Hải.

e) Công trình giao thông khác

- Bến xe khách: Khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng các bến xe khách tại các huyện, thành phố khi đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

- Bãi đỗ xe công cộng: Xây dựng các bãi đỗ xe công cộng trong khu vực trung tâm các huyện, thành phố và tại vị trí các khu công nghiệp, khu du lịch, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ, khu hành chính. Đồng thời, xây dựng các chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe công cộng tại các địa phương.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

a) Nhà máy điện

- Giai đoạn 2021 - 2030: Xây dựng Trung tâm điện lực (sử dụng nguồn nguyên liệu LNG) với quy mô công suất 1.500MW tại khu vực cảng Cà Ná trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Giai đoạn tiếp theo, nghiên cứu, đề xuất phát triển thêm với công suất tiềm năng 4.500MW khi đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, nâng tổng quy mô công suất lên thành 6.000MW.

- Nghiên cứu, phát triển các nguồn điện có tiềm năng như nhà máy điện gió, nhà máy điện mặt trời tự tiêu, nhà máy thủy điện, thủy điện tích năng, nhà máy sinh khối, nhà máy điện rác, nhà máy địa nhiệt và nhà máy điện khí sinh học để khai thác tối đa tiềm năng sẵn có trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Lưới điện 500kV

- Xây dựng mới 02 trạm 500kV tại các huyện Ninh Sơn và Thuận Nam, với quy mô tổng công suất 4.500MW;

- Xây dựng mới 09 tuyến đường dây 500kV (2 mạch và 4 mạch), với tổng chiều dài 1.168km để đấu nối các trạm 500kV và các nhà máy thủy điện tích năng và các nhà máy LNG.

c) Lưới điện 220kV

- Cải tạo nâng công suất trạm 220kV Ninh Phước, từ 01 máy biến áp lên thành 02 máy biến áp nâng tổng quy mô tổng công suất 500MW; cải tạo nâng công suất trạm 220kV thủy điện Đa Nhim từ 63MW lên thành 250MW, đồng thời bổ sung thêm 01 máy biến áp 125MW nâng tổng quy mô công suất lên thành 375MW; xây

dựng mới 03 trạm 220kV với quy mô tổng công suất 1.605MW; xây dựng mới 01 trạm cắt 220kV Đa Nhim để giải tỏa nguồn điện khu vực do trạm 220 kV thủy điện Đa Nhim không mở rộng được ngăn lộ 220 kV.

- Xây dựng mới 16 tuyến đường dây 220kV (1 mạch và 2 mạch), với tổng chiều dài 351km để đấu nối với các trạm 220kV, các nhà máy thủy điện, các nhà máy điện gió và các nhà máy điện mặt trời.

d) Lưới điện 110kV

- Cải tạo nâng cấp các công trình đường dây và trạm 110kV hiện hữu không đảm bảo chất lượng; xây dựng mới các công trình đường dây và trạm 110kV để đảm bảo cấp điện cho nhu cầu phát triển của phụ tải trên địa bản tỉnh cũng như khu vực lân cận và đảm bảo tiêu chí N-1.

đ) Lưới điện sau 110kV

- Cải tạo và xây dựng mới các nhánh chính, nhánh rẽ trung thế đảm bảo cấp điện cho các khu dân cư.

- Đầu tư xây dựng các lộ xuất tuyến ra sau các trạm 110kV, tăng cường tiết diện và liên kết mạch vòng các tuyến trục chính để khai thác hiệu quả các trạm 110kV.

- Phát triển lưới điện cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu dân cư đô thị, các dự án năng lượng, các cơ sở kinh tế - xã hội khác trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

3. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông

- Nâng cấp, xây mới hạ tầng mạng lưới bưu chính, trọng tâm chuyển đổi hạ tầng truyền thống sang hạ tầng số, phát triển thương mại điện tử và logistics; thúc đẩy cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, vận hành và chia sẻ, khuyến khích sử dụng chung hạ tầng bưu chính.

- Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, mạng kết nối vạn vật (IoT) liên thông, đồng bộ, hiện đại nhằm phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh; tạo sự bứt phá về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông; đưa Ninh Thuận trở thành tỉnh có chỉ số cao về phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số của cả nước.

- Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh (bao gồm cả tuyến truyền dẫn dự phòng) thuộc tuyến: Khánh Hòa - Ninh Thuận, Ninh Thuận - Bình Thuận, Ninh Thuận - Lâm Đồng, và các tuyến cáp quang biển. Bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng thông rộng trong tương lai, xây dựng các tuyến

truyền dẫn quang nội Tỉnh bảo đảm dung lượng cao, kết nối liên vùng, liên huyện, đặc biệt là các vùng kinh tế - chính trị, vùng động lực phát triển của Tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm, ưu tiên phấn đấu phát triển đô thị thông minh, hiện đại bao gồm: TP Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Ninh Hải, huyện Thuận Nam, huyện Ninh Phước và các khu vực công nghiệp phía Nam, gắn kết với sự phát triển của vùng Duyên hải Nam Trung bộ, phục vụ nhu cầu phát triển các dịch vụ băng thông tốc độ và chất lượng cao.

Phát triển các cơ quan báo chí theo mô hình trung tâm truyền thông đa phương tiện, chuyển đổi số, đầu tư các trang thiết bị hiện đại, các hệ thống phần mềm, ứng dụng công nghệ mới.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

- Phân vùng cấp nước tưới: chia làm 03 vùng cấp nước chính, gồm: (1) Vùng miền núi (huyện Ninh Sơn và huyện Bác Ái; (2) Vùng phía Bắc Sông Cái (huyện Thuận Bắc, huyện Ninh Hải và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm); (3) Vùng phía Nam Sông Cái (huyện Ninh Phước và huyện Thuận Nam).

- Phân vùng tiêu nước: chia làm 02 vùng tiêu nước chính, gồm: (1) Vùng Phía Nam Sông Cái: huyện Ninh Phước và huyện Thuận Nam. Hệ thống tiêu chính trong vùng gồm hệ thống tiêu sông Quao và sông Lu, đổ ra Sông Cái Phan Rang; (2) Vùng Phía Bắc Sông Cái: thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Ninh Hải và huyện Thuận Bắc. Các hệ thống tiêu chính trong vùng gồm: kênh tiêu Chà Là đổ ra cửa sông Cái Phan Rang, kênh tiêu Cầu Ngòi, kênh tiêu Lê Đình Chinh, kênh tiêu Màn Màn, kênh tiêu Phước Nhơn,... đổ trực tiếp vào Đầm Nại.

- Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, linh hoạt, bảo đảm cấp thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hồ các hồ chứa nước để tạo nguồn, hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi, đặc biệt là xây dựng đường ống kết nối các hồ thủy lợi, triển khai giải pháp liên kết chuyển nước liên vùng gắn với sử dụng tiết kiệm nước góp phần khai thác hiệu quả tiềm năng đất dốc, đất cát, sa mạc hóa, hoang hóa đồng thời giảm thiểu các tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, cụ thể:

+ Đối với liên kết liên tỉnh: phối hợp với tỉnh Lâm Đồng trong quản lý vận hành hệ thống công trình Thủy điện Đa Nhim trong việc khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước của lưu vực sông và điều tiết xả lũ hoặc cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

+ Đối với liên kết nội tỉnh: các hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh cần thực hiện đúng quy trình vận hành, đảm bảo an toàn hồ, đập. Song song với việc quy hoạch và xây dựng mới hồ đập cần đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp để tăng dung tích các hồ hiện có, xây dựng các công trình kết nối mạng giữa các hồ chứa, liên thông các hệ thống tưới để điều hòa nguồn nước giữa các lưu vực, giữa các vùng khô hạn là rất cần thiết.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Phân vùng cấp nước và công trình đầu mối cấp nước:

Căn cứ vào đặc điểm điều kiện tự nhiên, nguồn nước, tổ chức hành chính, toàn tỉnh Ninh Thuận được chia làm 3 vùng quy hoạch cấp nước đô thị, cụ thể:

+ Vùng miền núi: Bao gồm địa giới hành chính huyện Ninh Sơn và huyện Bác Ái;

+ Vùng phía Bắc sông Cái: Bao gồm địa giới hành chính của huyện Thuận Bắc, huyện Ninh Hải và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;

+ Vùng phía Nam sông Cái: Bao gồm địa giới hành chính của huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam;

- Định hướng xây dựng mới 03 nhà máy cấp nước đô thị tại các huyện Bác Ái, Thuận Bắc. Cải tạo, nâng công suất 02 nhà máy cấp nước tại các khu vực đô thị thuộc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và huyện Ninh Phước.

- Phát triển mạng lưới đường ống truyền tải chính và đường ống truyền tải khu vực (cấp 1) phù hợp với định hướng phát triển các nhà máy nước. Quy hoạch mạng lưới phân phối (cấp 2) và mạng lưới dịch vụ (cấp 3) được xác định ở các quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu và các dự án cụ thể. Kiểm soát chất lượng, trữ lượng nước ngầm khai thác, đáp ứng yêu cầu bền vững tại khu vực nông thôn chưa kết nối được với các nhà máy nước và mạng lưới cấp nước vùng.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

c) Phương án phát triển hệ thống thoát nước tại các khu đô thị, nông thôn

Tiếp tục nâng cấp, mở rộng, nâng cao hiệu quả của các hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung quy mô lớn tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đối với khu vực phát triển sản xuất nông - lâm - thủy sản, thoát nước qua hệ thống kênh mương thủy lợi, công trình đầu mối.

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn, nghĩa trang

a) Xử lý chất thải rắn

- Khu xử lý chất thải: Đầu tư xây dựng 3 khu xử lý chất thải rắn cấp liên huyện và các cơ sở xử lý chất thải rắn phân tán tại các huyện (mỗi địa phương bố trí tối

thiểu 01 cơ sở xử lý hoặc dự trữ quỹ đất để bố trí khu xử lý chất thải rắn đảm bảo thu gom, xử lý cho các địa phương).

- Thu gom, xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường của từng huyện, thành phố sẽ được thu gom và đưa về các khu xử lý chất thải rắn tập trung của từng huyện, thành phố; Xây dựng các trạm trung chuyển chất thải rắn tại tất cả các khu đô thị có khoảng cách đến khu xử lý chất thải rắn tập trung trên 20 km; bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn cỡ nhỏ tại các khu đô thị có bán kính phục vụ tối đa 10 km.

- Phân loại chất thải rắn: Tổ chức phân loại rác tại nguồn theo quy định, tổ chức phân luồng loại rác để áp dụng giải pháp xử lý, tái chế phù hợp. Đối với chất thải rắn nguồn gốc hữu cơ: xử lý thành các sản phẩm phù hợp; đối với chất thải rắn vô cơ: tiếp tục phần loại để tái chế. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại theo nguyên tắc như sau: (1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) Chất thải rắn sinh hoạt khác. Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất (chủ nguồn thải) phải tổ chức phân loại chất thải thành chất thải công nghiệp thông thường và chất thải công nghiệp nguy hại. Trong thời gian chờ thu gom, xử lý, chủ nguồn thải có trách nhiệm tổ chức quản lý, đảm bảo chất thải trong khuôn viên cơ sở sản xuất, không làm phát tán gây ô nhiễm ra bên ngoài khuôn viên cơ sở sản xuất. Đối với chất thải công nghiệp thông thường: chủ nguồn thải có trách nhiệm thu gom, vận chuyển hoặc hợp đồng với đơn vị đủ năng lực thu gom, vận chuyển về điểm thu gom, khu xử lý chất thải theo quy định. Đối với chất thải công nghiệp nguy hại: chủ nguồn thải có trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt tiêu chuẩn quy định (trường hợp chủ nguồn thải đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo quy định) hoặc hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

Công nghệ xử lý bao gồm tái sử dụng - tận thu, ủ phân, thiêu đốt chất thải không tái chế được (đốt rác phát điện), chôn lấp. Chất thải nguy hại được thu gom xử lý tại các cơ sở có chức năng xử lý chất thải rắn nguy hại theo từng khu vực.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

b) Xử lý chất thải y tế

Triển khai đầu tư hoàn thiện hạ tầng xử lý chất thải cho các cơ sở y tế, trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh, bao gồm xây dựng hệ thống xử lý nước thải và bổ sung thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại với công nghệ mới, thân thiện với môi trường.

c) Các nhà máy xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng tại các khu vực đô thị mới (xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng thành hệ thống thoát

nước riêng hoặc nửa riêng đối với khu khu dân cư tập trung hiện hữu đã có mạng lưới thoát nước chung). Xây dựng, nâng cấp các nhà máy xử lý nước thải tại các đô thị.

- Nước thải công nghiệp: Xây dựng, vận hành các nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải; nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề phải được xử lý sơ bộ trước khi đấu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung theo đúng quy định.

- Khu vực nông thôn: Thực hiện theo đồ án quy hoạch nông thôn mới được phê duyệt. Khuyến khích xây dựng mạng lưới thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung.

d) Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng

Định hướng quy hoạch xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung đô thị theo quy hoạch đô thị, nghĩa trang tập trung xã theo định hướng quy hoạch xây dựng nông thôn; bố trí nhà tang lễ tại các đô thị đảm bảo tiêu chuẩn về phân loại đô thị; duy trì các nghĩa trang hiện trạng đến khi lấp đầy, đóng cửa hoặc di dời đối với các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hoặc không đảm bảo yêu cầu môi trường.

6. Phương án phát triển cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

- Phát triển cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá phải phù hợp với quy hoạch phát triển cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa quốc gia; bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Cảng cá gồm 05 cảng, trong đó: Nâng cấp, cải tạo 04 cảng cá hiện có gồm: (1) Cảng cá Đông Hải tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; (2) Cảng cá Cà Ná tại huyện Thuận Nam; (3) Cảng cá Ninh Chữ tại huyện Ninh Hải; (4) Cảng cá Mỹ Tân tại huyện Ninh Hải. Phát triển mới 01 Cảng cá Vĩnh Hy tại huyện Ninh Hải.

- Khu neo đậu tránh trú bão gồm 04 khu, trong đó: Nâng cấp, cải tạo 03 khu neo đậu hiện có, gồm: (1) Khu neo đậu tránh trú bão Cửa Sông Cái tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; (2) Khu neo đậu tránh trú bão cửa Ninh Chữ tại huyện Ninh Hải; (3) Khu neo đậu tránh trú bão cửa Ninh Chữ tại huyện Thuận Nam. Phát triển mới 01 Khu neo đậu tránh trú bão Vịnh Vĩnh Hy tại huyện Ninh Hải.

7. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

Phù hợp với Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy: Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh, cấp huyện, trong đó ưu tiên bố trí trụ sở các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực đô thị, các khu vực trọng điểm về phòng cháy và chữa cháy, đảm bảo mỗi đơn vị hành chính cấp huyện có tối thiểu 01 đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công trình phục vụ ứng phó khẩn cấp, huấn luyện, chỉ huy điều hành, kiểm định phương tiện và nghiên cứu khoa học - công nghệ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ,… đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô tính chất hoạt động của từng đơn vị.

- Hệ thống cung cấp nước phòng cháy, chữa cháy: Tuân thủ quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật số; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; Tiêu chuẩn thiết kế về cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình và hướng dẫn của Bộ Xây dựng, Bộ Công an về thực hiện việc cấp nước phòng cháy, chữa cháy tại đô thị và khu công nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong thời kỳ quy hoạch;

- Hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy: Tuân thủ quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong thời kỳ quy hoạch;

- Hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng cháy, chữa cháy: Tuân thủ theo quy định của Luật Viễn thông, Luật Tần số vô tuyến điện và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong thời kỳ quy hoạch.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo

- Phát triển hệ thống, mạng lưới trường lớp mầm non, phổ thông phù hợp theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa và hiện đại hóa. Khuyến khích xã hội hóa phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập phù hợp với tình hình phát triển giáo dục, đào tạo của địa phương; tập trung đẩy nhanh phát triển hệ thống trường học mầm non, phổ thông tư thục ở địa bàn các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị mới. Đảm bảo quỹ đất cho việc mở rộng, xây mới hạ tầng giáo dục các cấp học. Dự kiến đến năm 2030, duy trì quy mô đất hiện có của 22 trường trung học phổ thông, đầu tư nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất hiện đại theo tiêu chuẩn và thành lập mới 04 trường (bao gồm 01 trường công lập và 03 trường tư thục).

- Đối với giáo dục chuyên biệt, tiếp tục duy trì 01 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh và khuyến khích thành lập các trung tâm ngoài công lập trên địa bàn các huyện/thành phố.

- Đối với giáo dục thường xuyên, duy trì 01 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và 02 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tại huyện Ninh Sơn và huyện Thuận Bắc, các trung tâm ngoại ngữ - tin học, trung tâm giáo dục kỹ năng sống và các trung tâm học tập cộng đồng, thành lập mới 03 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tại huyện Bác Ái, Ninh Phước và Thuận Nam.

- Thu hút các trường đại học trong và ngoài nước thiết lập phân hiệu, cơ sở đào tạo tại tỉnh Ninh Thuận. Nâng cấp, mở rộng Phân hiệu trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Ninh Thuận hướng đến thành lập Trường Đại học Ninh Thuận đảm bảo phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đào tạo các ngành kinh tế trụ cột của tỉnh, đảm bảo cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Ninh Thuận.

2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục nghề nghiệp

- Phát triển nguồn nhân lực có tay nghề, trình độ chuyên môn, kỹ năng thành thạo. Đầu tư trọng điểm về cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận tại Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; đầu tư cơ sở vật chất theo hướng hiện đại đối với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp tỉnh tại thành phố Phan Rang- Tháp Chàm và cấp huyện, liên huyện tại các huyện Ninh Sơn, Huyện Thuận Bắc, Huyện Ninh Phước; Xây dựng mới Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tại các huyện Bác Ái và Thuận Nam.

3. Phương án phát triển hạ tầng bảo trợ xã hội

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách và đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực để chăm lo cho người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội. Nhanh chóng thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, chênh lệch vùng, địa phương trong tỉnh về tiếp cận các dịch vụ xã hội, đảm bảo giảm nghèo bền vững. Thực hiện bình đẳng giới; đảm bảo các quyền trẻ em và tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh để trẻ em phát triển toàn diện; quan tâm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người già neo đơn. Chú trọng phòng chống tệ nạn xã hội. Nâng cấp cơ sở vật chất 02 Trung tâm công tác xã hội tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và huyện Ninh Sơn; xây mới 01 trung tâm công tác xã hội tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; Nâng cấp, cải tạo 01 cơ sở cai nghiện ma túy tại huyện Ninh Sơn; đầu tư xây dựng 07 cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở chăm sóc người cao tuổi ngoài công lập tại thành

phố Phan Rang - Tháp Chàm và tại các huyện, trong đó, khuyến khích phát triển các loại hình, dịch vụ, cơ sở chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi theo hình thức xã hội hóa.

4. Phương án phát triển hạ tầng y tế

- Phát triển hệ thống y tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật. Phát triển nguồn nhân lực y tế, đào tạo đội ngũ bác sĩ, dược sĩ.

- Đồng bộ mạng lưới và kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất khám chữa bệnh, đặc biệt tại các khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng cơ sở y tế ngoài công lập.

+ Nâng cấp, cải tạo các trung tâm y tế tại các huyện, thành phố; Nâng cấp, mở rộng các công trình: Bệnh viện chuyên khoa Da liễu - Tâm thần, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Trường Trung cấp Y tế thành trường Cao đẳng Y tế.

+ Nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh đạt chuẩn bệnh viện hạng I có quy mô trên 1.000 giường bệnh; trung tâm kiểm soát bệnh tật cấp tỉnh; trung tâm y tế cấp huyện đáp ứng yêu cầu khám và chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân.

+ Xây mới 02 bệnh viện tại thành Phan Rang - Tháp Chàm, gồm: Bệnh viện Sản - Nhi; Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình.

5. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đảm bảo thực hiện các chức năng nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ. Tập trung kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tự chủ cao; đầu tư nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị cho các đơn vị quản lý và tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh. Đầu tư, mở rộng, nâng cấp khu sản xuất, trạm nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ.

6. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

Tiếp tục đầu tư tôn tạo, nâng cấp, bảo vệ, khai thác có hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa; quan tâm đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao cấp tỉnh đạt chuẩn, hạ tầng các khu, điểm du lịch. Xây dựng một số sân golf tại các địa điểm thích hợp, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đảm bảo các quy định của pháp luật.

Kiện toàn hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao gồm 3 cấp: Cấp tỉnh; cấp huyện/thành phố; và cấp xã/phường. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, chuyên môn

đến các hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cấp tỉnh, gồm: Trung tâm Văn hoá nghệ thuật tỉnh; Trung tâm biểu diễn nghệ thuật; Bảo tàng tỉnh; Đoàn ca múa nhạc dân tộc; Trung tâm Nghiên cứu Văn hoá Chăm; Trung tâm huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh; Nhà tập luyện thi đấu thể thao.

7. Phương án phát triển hạ tầng thương mại, xăng dầu, logistics

- Tại các đô thị chú trọng phát triển các loại hình trung tâm thương mại, siêu thị; cửa hàng tổng hợp; các trung tâm hội chợ - triển lãm; phát triển các đường phố thương mại (hiện đại và mang bản sắc văn hóa kinh doanh truyền thống), gồm: phát triển Trung tâm thương mại hạng I tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và huyện Thuận Nam; phát triển siêu thị hạng II tại trung tâm huyện Ninh Sơn và Thuận Nam; phát triển hệ thống siêu thị hạng III tại trung tâm các huyện Ninh Phước, Thuận Bắc, Ninh Hải, Bác Ái và trung tâm các phường thuộc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Tại khu vực nông thôn, nâng cấp và mở rộng mạng lưới chợ bán lẻ ở địa bàn các xã.

- Phát triển các trung tâm logistics, nhất là trên địa bàn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tỉnh và khu vực cảng Ninh Chữ, để cung cấp đồng bộ các dịch vụ hậu cần phân phối tại các địa điểm thuận lợi về giao thông, các đầu mối giao thông quan trọng, trung tâm thương mại, khu vực các cơ sở chế biến công nghiệp quy mô lớn. Xây dựng mới 02 trung tâm logistics là Trung tâm Logistic Cà Ná và Trung tâm Logistics Ninh Chữ.

- Phát triển các kho chứa xăng dầu, khí đốt trên địa bàn tỉnh, tuân thủ theo quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể: xây dựng mới 02 kho đầu mối là: Kho xăng dầu Ninh Thuận và Kho xăng dầu Cà Ná tại huyện Thuận Nam với quy mô công công suất mỗi kho khoảng 50.000 m^3.

VIII. PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đến năm 2030, tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh Ninh Thuận là 335.534 ha; trong đó: Đất nông nghiệp khoảng 281.679 ha; đất phi nông nghiệp khoảng 50.324 ha; đất chưa sử dụng còn 3.531 ha.

- Thực hiện thu hồi khoảng 16.959 ha; trong đó: Khoảng 12.163 ha đất nông nghiệp và khoảng 4.796 ha đất phi nông nghiệp.

- Chuyển mục đích sử dụng khoảng 13.464 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 5.468 ha trong đó chuyển vào mục đích nông nghiệp là 4.258 ha; chuyển vào mục đích phi nông nghiệp là 1.210 ha.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất trong quy hoạch tỉnh để làm căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật Đất đai.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

a) Vùng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và phụ cận: là vùng đô thị hóa trọng điểm của Tỉnh, ưu tiên phát triển đô thị theo hướng khai thác tối đa lợi thế gắn kết với các đầu mối giao thông liên vùng và sân bay Thành Sơn;

b) Vùng liên huyện Thuận Bắc - Ninh Hải: là vùng cửa ngõ kết nối với tỉnh Khánh Hòa, phát triển dịch vụ, công nghiệp, du lịch, là vùng du lịch trọng điểm phía Bắc của Tỉnh, đặc biệt là khu vực Bình Tiên, Vĩnh Hy, phát triển bền vững gắn với bảo tồn phát huy giá trị khu dự trữ sinh quyển thế giới vườn quốc gia Núi Chúa;

c) Vùng liên huyện Ninh Phước - Thuận Nam: là vùng kinh tế động lực của tỉnh, hình thành Khu kinh tế ven biển phía Nam của Tỉnh khi đủ điều kiện, phát triển trọng tâm là công nghiệp, logistic và cảng biển, ưu tiên phát triển năng lượng, năng lượng tái tạo, dịch vụ cảng, công nghiệp thân thiện môi trường, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng nuôi tôm giống; là vùng du lịch trọng điểm phía Nam của Tỉnh, phát triển du lịch khác biệt, du lịch trải nghiệm, chất lượng cao.

d) Vùng liên huyện Ninh Sơn - Bác Ái: là vùng phát triển nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thương mại dịch vụ, năng lượng và du lịch sinh thái, nhà vườn, du lịch trải nghiệm, du lịch văn hóa gắn với khu bảo tồn không gian văn hóa người Raglai.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

a) Vùng huyện Thuận Bắc: là cửa ngõ phía Bắc của Tỉnh, giáp với tỉnh Khánh Hòa, là vùng có đa dạng sinh học cao với khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa, là trung tâm công nghiệp, năng lượng tái tạo và du lịch dịch vụ phía Bắc của Tỉnh; là vùng phát triển kinh tế biển, kinh tế đô thị, phát triển đa ngành gồm công nghiệp, năng lượng tái tạo, thương mại, dịch vụ, du lịch, khai thác lợi thế giao thông kết nối với đường cao tốc Bắc Nam.

b) Vùng huyện Ninh Hải: là vùng có đa dạng sinh học cao với khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa, khu dự trữ thiên nhiên đầm Nại, rùa biển, rặng san hô; là trung tâm du lịch biển, dịch vụ du lịch biển phía Bắc của Tỉnh; là vùng phát triển kinh tế biển, kinh tế đô thị, vùng phát triển đa ngành, gồm năng lượng tái tạo, du lịch, dịch vụ, thương mại, dịch vụ hậu cần nghề cá, tôm giống, nông nghiệp.

c) Vùng huyện Ninh Sơn: là cửa ngõ phía Tây Bắc của Tỉnh, giáp với tỉnh Lâm Đồng kết nối QL27, đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt; là vùng phát triển kinh tế đô thị, vùng phát triển đa ngành gồm công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tập trung, thương mại dịch vụ, du lịch sinh thái rừng - đèo - thác, văn hóa, nghỉ dưỡng chữa bệnh gắn với bảo vệ tài nguyên cảnh quan tự nhiên, phát triển các mô hình nông nghiệp gắn với du lịch, du lịch cộng đồng.

d) Vùng huyện Bác Ái: là vùng có đa dạng sinh học cao với vườn quốc gia Phước Bình; là vùng phát triển đa ngành gồm lâm nghiệp, nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng, năng lượng tái tạo, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; là trung tâm du lịch sinh thái, có cảnh quan môi trường rừng, hồ, hấp dẫn với không gian bảo tồn văn hóa truyền thống.

đ) Vùng huyện Ninh Phước: là trung tâm du lịch văn hóa, làng nghề truyền thống Chăm và trung tâm giống thủy sản quy mô lớn của cả nước, là vùng phát triển kinh tế đô thị, vùng phát triển đa ngành gồm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo, sản xuất tôm giống, nghiên cứu cây trồng vật nuôi và thủy sản.

e) Vùng huyện Thuận Nam: là cửa ngõ phía Nam của Tỉnh, giáp với tỉnh Bình Thuận, là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh Ninh Thuận; là trung tâm công nghiệp, năng lượng và năng lượng tái tạo, cảng biển nước sâu Cà Ná, trung tâm logistic khai thác lợi thế nút giao với đường cao tốc Bắc Nam phía đông; là trung tâm du lịch phía Nam của Tỉnh với các đặc trưng du lịch sinh thái biển, rừng, cồn cát; là vùng phát triển đa ngành gồm công nghiệp, cảng biển, dịch vụ du lịch, thương mại dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển công nghiệp chế biến chế tạo, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Về phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: các khu vực nội thành, nội thị thuộc Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; các huyện Bác Ái, Ninh Hải, Ninh Phước, Ninh Sơn, Thuận Bắc, Thuận Nam; Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (theo phân vùng tài nguyên nước); Vườn quốc gia Núi Chúa (Ninh Hải), trong đó có một phân khu bảo tồn sinh vật biển, bao gồm cả rạn san hô và bãi sinh sản của rùa biển đã được thành lập tại vùng biển Ninh Thuận tiếp giáp với Vườn quốc gia Núi Chúa; Vườn quốc Gia Phước Bình (Bắc Ái); Khu dự trữ thiên nhiên Đầm Nại.

- Vùng hạn chế phát thải: Vùng đệm của các khu: Vườn quốc gia Núi Chúa (Ninh Hải) và Vườn quốc Gia Phước Bình (Bác Ái); Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt của lưu vực Sông sắt - Trà co, lưu vực Sông Ông và thượng nguồn Sông Cái, lưu vực Cho Mo - Suối Ngang, lưu vực Sông Than, vùng Sông Trâu, các lưu vực Sông đổ ra Đầm Nại và Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, lưu vực sông suối Ven Biển, lưu vực Sông Quao, lưu vực Sông Lu; Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường như các khu du lịch: (i) Không gian trung tâm - Du lịch đô thị - di sản - nghỉ dưỡng biển - ẩm thực (Tập trung vào khu vực TP Phan Rang - Tháp Chàm và phụ cận); (ii) Không gian phía Đông Bắc - Du lịch sinh thái biển - rừng - nông nghiệp (Tập trung vào khu vực Vĩnh Hy - Bình Tiên - Núi Chúa và Thái An); (iii) Không gian phía Đông Nam - Du lịch nghỉ dưỡng và khám phá độc đáo cát - muối - biển (Tập trung vào khu vực Cà Ná - Mũi Dinh có khu du lịch Cà Ná - Mũi Dinh, được xác định là khu du lịch quốc gia thuộc Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030).

- Vùng khác: Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

- Đối với Vườn quốc gia Núi Chúa: Đẩy mạnh việc bảo tồn theo các quy định của UNESCO, triển khai đồng bộ các giải pháp về bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái rừng, biển cũng như các loài động vật, thực vật bản địa quý hiếm.

- Đối với Vườn quốc gia Phước Bình: có chức năng là bảo vệ, phát triển rừng; bảo tồn, phát huy các giá trị đặc biệt về thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái, đa dạng sinh học, nguồn gen sinh vật, văn hoá, lịch sử, cảnh quan; nghiên cứu khoa

học; cung ứng dịch vụ môi trường và giáo dục môi trường theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

- Đối với khu vực Đầm Nại: là khu vực dự trữ thiên nhiên cấp tỉnh, thuộc hệ sinh thái đất ngập nước ven biển, phát triển phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn góp phần quan trọng bảo vệ đê đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đảm bảo sản xuất ổn định cho các diện tích kinh tế và đời sống của các hộ dân phía trong, đồng thời cũng tạo điều kiện để phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm.

- Đối với các khu vực nuôi trồng thủy sản: Duy trì và cải tạo nâng cao hiệu quả tại các khu dự trữ thiên nhiên Đầm Nại và các khu vực khác đảm bảo cân bằng môi trường sinh thái.

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

Phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng loại môi trường; xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động, quan trắc môi trường nước và trạm quan trắc môi trường không khí. Đến năm 2030, có 42 trạm, điểm quan trắc môi trường nước mặt; 35 điểm quan trắc định kỳ môi trường dưới đất; có 32 trạm, điểm quan trắc môi trường không khí; 25 điểm quan trắc nước biển ven bờ.

d) Định hướng bảo vệ và phát triển rừng

Tăng diện tích rừng trồng, phục hồi và quản lý rừng bền vững. Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng tại các khu vực xung yếu ven biển, các khu rừng đầu nguồn, các hồ, đập thủy lợi. Nghiên cứu phục hồi rừng bằng các loài cây bản địa có giá trị, bổ sung loài mới vào các rừng tự nhiên ở các khu rừng phòng hộ, đặc dụng. Hạn chế khai thác gỗ và lâm sản khác, tăng cường tận thu các sản phẩm ngoài gỗ. Tăng cường phát triển rừng theo mô hình nông lâm kết hợp và trồng cây dược liệu dưới tán rừng. Xây dựng cơ sở quy mô lớn để chế biến gỗ rừng trồng và lâm sản ngoài gỗ, ứng dụng công nghệ cao để sản phẩm có khả năng xuất khẩu.

- Phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết hiệu quả với tuyến đường phục vụ công tác tuần tra, bảo vệ rừng kết hợp phục vụ du lịch sinh thái. Nâng cao năng lực, đầu tư đồng bộ và hiện đại hóa cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật thông tin ngành lâm nghiệp, đặc biệt là hạ tầng phục vụ quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

a) Về bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên

- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, không làm ảnh hưởng tới cảnh quan trong các dự án khai thác, chế biến khoáng sản.

- Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đối với các loại khoáng sản gồm: khoáng sản làm vật liệu san lấp; đá chẻ xây dựng; đá xây dựng; sét gạch ngói và cát xây dựng.

b) Khoanh định các khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

- Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, gồm: Khu vực đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ; khu vực đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ hoặc đất quy hoạch trồng rừng phòng hộ, khu bảo tồn địa chất; khu vực đất quy hoạch dành cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc nếu tiến hành hoạt động khoáng sản có thể gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đất do cơ sở tôn giáo sử dụng; đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đê điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, xăng dầu, khí, thông tin liên lạc.

- Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, gồm: các khu vực khi có yêu cầu về quốc phòng, an ninh; yêu cầu về bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh khi phát hiện trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản và các khu vực phòng, tránh, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Trên địa bàn tỉnh còn có 08 khu vực có tiềm năng lớn về khoáng sản đá chẻ và đá xây dựng tại các huyện: Ninh Hải (01 khu), Ninh Sơn (03 khu), Thuận Nam (03khu), Ninh Phước (01 khu).

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân vùng tài nguyên nước

- Vùng I (khu vực đồi núi phía Bắc): Gồm toàn bộ địa giới hành chính của huyện Ninh Sơn và huyện Bác Ái; trong vùng được chia ra thành 04 tiểu vùng, gồm: (1) Tiểu vùng lưu vực sông Sắt - Trà Co; (2) Tiểu vùng lưu vực sông Ông và thượng nguồn Sông Cái; (3) Tiểu vùng lưu vực Cho Mo - Suối Ngang; (4) Tiểu vùng lưu vực Sông Than.

- Vùng II (khu vực phía Bắc sông Cái): Gồm toàn bộ địa giới hành chính của huyện Thuận Bắc, huyện Ninh Hải và Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; trong vùng được chia ra thành 02 tiểu vùng, gồm: (1) Tiểu vùng Sông Trâu, các lưu vực Sông đổ ra Đầm Nại và thành phố Phan Rang Tháp Chàm; (2) Tiểu vùng lưu vực sông suối Ven Biển.

- Vùng III (khu vực phía Nam sông Cái): Gồm toàn bộ địa giới hành chính của huyện Ninh phước và huyện huyện Thuận Nam; trong vùng được chia ra thành

03 tiểu vùng, gồm: (1) Tiểu vùng lưu vực Sông Quao; (2) Tiểu vùng lưu vực Sông Lu; (3) Tiểu vùng lưu vực sông suối ven biển.

b) Phân bổ tài nguyên nước

- Thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng sử dụng nước trong kỳ quy hoạch được sắp xếp từ cao đến thấp như sau: sinh hoạt; công nghiệp; du lịch, dịch vụ; nông nghiệp; thủy sản.

- Trong điều kiện bình thường: Nguồn nước đủ đáp ứng việc phân bổ đảm bảo 100% nhu cầu dùng nước; ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, an sinh xã hội, các ngành sản xuất có giá trị cao.

- Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước: Tỷ lệ phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước là sinh hoạt 100%, công nghiệp 90%, du lịch - dịch vụ 85%, nông nghiệp 80%, thủy sản 75%.

c) Bảo vệ tài nguyên nước

Quản lý, phân bổ nguồn nước đảm bảo hài hòa, hợp lý giữa các ngành, tổ chức, cá nhân dùng nước, cấp đủ nước cho các ngành kinh tế, ưu tiên nước cấp cho sinh hoạt, các ngành sản xuất có giá trị cao; bảo vệ tài nguyên nước không bị ô nhiễm, suy thoái cạn kiệt, bảo vệ chức năng nguồn nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận nhằm đảm bảo an ninh lâu dài về tài nguyên nước, góp phần thúc đẩy, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận.

d) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng lưới quan trắc giám sát chất lượng nguồn nước. Tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn; xây dựng đê, tường chắn lũ quét, hồ chứa điều tiết lũ để phòng, chống, giảm thiểu tác hại do lũ gây ra tại vùng thượng lưu, hạ lưu các sông. Nâng cấp và hoàn thiện đầu tư xây dựng hệ thống đập ngăn mặn, các công trình khai thác, sử dụng nước đảm bảo công suất; tăng cường diện tích trồng rừng, đặc biệt chú trọng bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ và nâng cao chất lượng rừng nhằm phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn. Đầu tư xây dựng nhà máy, trạm xử lý nước thải, hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh

- Vùng có nguy cơ ảnh hưởng do bão: Gồm một phần thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và các huyện Thuận Bắc, Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam.

- Vùng có nguy cơ ảnh hưởng do lũ và ngập lụt: Gồm một phần thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và một phần các huyện Ninh Sơn, Ninh Phước, Thuận

Nam, Thuận Bắc, Ninh Hải, Bác Ái; khu vực các hộ dân dọc 2 bên bờ sông Cái từ đập Nha Trinh đến cuối sông Cái.

- Vùng có nguy cơ ảnh hưởng do hạn hán: gồm một phần các huyện Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn, Thuận Bắc, Bác Ái và Thuận Nam.

- Vùng có nguy cơ sạt lở: Thuộc địa bàn huyện Ninh Sơn, với các nguy cơ: Sạt lở đường tại khu vực Đèo Ngoạn Mục, khu vực tỉnh lộ 701, 706, 707; Sạt lở núi, đất tại các khu vực phía Tây và phía Bắc thuộc khu vực một số xã Ma Nới, Phước Bình, Phước Thành, Phước Kháng, Bắc Sơn, Phước Chiến, Phước Kháng, Phước Diêm.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Dự báo, cảnh báo kịp thời, hiệu quả và thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá các tác động của rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu. Đảm bảo năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của hệ thống cơ sở hạ tầng; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình phòng chống thiên tai đảm bảo an toàn cho người dân.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về thiên tai và biến đổi khí hậu, đánh giá tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu đến mọi mặt kinh tế - xã hội, đặc biệt là cơ sở hạ tầng liên quan đến lũ và ngập lũ, hạn và cạn kiệt nguồn nước, biển và thiên tai từ biển..., tập trung hơn vào các khu vực có nguy cơ thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng cao tại các khu vực ven biển, khu vực thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và các khu dân cư miền núi.

- Xây dựng và nâng cấp hệ thống hồ chứa, đập dâng đảm bảo khả năng chống lũ thích ứng với biến đổi khí hậu; nạo vét lòng dẫn, các lòng sông; củng cố hệ thống đê sông, đê biển; nghiên cứu tổng thể và các giải pháp tăng khả năng phòng lũ, thoát lũ hạ du; quy hoạch, bố trí dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở bờ sông, sạt lở núi, vùng có nguy cơ lũ quét, lũ ống, vùng thường xuyên ngập lụt; tăng cường năng lực quan trắc khí tượng thủy văn, vận hành hồ chứa, thiết lập các trạm đo mưa tự động trên các lưu vực sông, hồ chứa trọng điểm.

- Thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp tỉnh, góp phần hoàn thiện mức kiểm kê và thúc đẩy phát triển thị trường các-bon cấp quốc gia; thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải.

c) Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

- Thực hiện tốt công tác phòng, chống lũ trên các tuyến sông có đê thuộc hệ thống sông Cái (Bắc hạ lưu sông Cái và Nam hạ lưu sông Cái).

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống đê đảm bảo tiêu chuẩn phòng, chống lũ và kết hợp làm đường giao thông, cụ thể:

+ Các công trình phòng, chống lũ bờ Bắc hạ lưu sông Cái: Tu bổ, nâng cấp những đoạn xây dựng từ lâu thuộc tuyến đê bờ bắc Sông Dinh bảo vệ thành phố Phan Rang -Tháp Chàm; Xây dựng kè chống sạt lở bảo vệ bờ Sông từ đập Nha Trinh đến cửa biển các đoạn xung yếu bao gồm: Kè chống sạt lở bảo vệ bờ tả sông Cái khu vực thôn Nha Hố, kè chống sạt lở bảo vệ bờ tả sông Cái khu vực Nhơn Sơn, kè chống sạt lở bảo vệ bờ tả Sông Cái đoạn từ Nhơn Sơn đến cầu móng, kè chống sạt lở bảo vệ bờ tả Sông Cái kết hợp đường ven Sông.

+ Các công trình phòng, chống lũ bờ Nam hạ lưu sông Cái: Đê cửa sông Phú Thọ bảo vệ các khu dân cư vùng cửa sông; xây dựng hệ thống công trình kè chống sạt lở bảo vệ bờ hữu Sông từ đập Nha Trinh đến cửa biển.

+ Các công trình chống sạt lở bờ biển: xây dựng và nâng cấp các công trình chính, gồm: Đê biển bảo vệ khu dân cư Thanh Hải và khu vực Hòn Đỏ nối từ đầu kè Mỹ Tân (phía Nam) đến đầu kè Mỹ Hiệp phía Bắc; Kè Mỹ Hiệp và kè Mỹ Tân thành đê; Đê biển bảo vệ khu nuôi Giống thủy sản và khu nuôi tôm trên cát An Hải; Đê biển bảo vệ khu dân cư ven biển Phước Dinh; Kè chống sạt lở bờ biển bảo vệ khu dân cư từ cửa ra cảng Cà Ná đến Hòn Cò.

+ Xây dựng hệ thống mốc cảnh báo lũ bổ sung dọc hai bờ sông Dinh và cho các khu dân cư thường xuyên xảy ra ngập lụt khu vực bờ Nam sông Dinh. Tổ chức các điểm cứu hộ, sơ tán dân đến từng xã vùng nguy cơ cao, bố trí kho dự trữ nhu yếu phẩm cần thiết tại các điểm tránh trú.

XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn vốn của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư: Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; khai thác hiệu quả các nguồn lực từ quỹ đất; thực hiện đa dạng hóa hình thức đầu tư để huy động vốn thực hiện quy hoạch theo quy định pháp luật, tập trung xây dựng cơ chế đẩy mạnh đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) và các hình thức khác theo quy định pháp luật.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức.

3. Nhóm giải pháp về môi trường, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh.

Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; nghiên cứu, ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực của tỉnh hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; tập trung xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thông minh; đẩy nhanh việc thanh toán không dùng tiền mặt, quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử.

4. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển: Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút các nguồn lực cho phát triển; thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính, xây dựng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số, kinh tế số; thực hiện có hiệu quả chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với địa phương khác. Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu. Tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam. Xúc tiến thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác, địa phương nước ngoài.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển các khu vực chức năng, phát triển đô thị, nông thôn: Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng theo đúng quy định pháp luật để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các công cụ tài chính kinh tế đất, phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

6. Giải pháp nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý hành chính nhà nước: Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển

chính quyền điện tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

7. Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, hạn chế chồng chéo gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

8. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch: Tổ chức công bố công khai quy hoạch, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đảm bảo đồng bộ. Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm. Định kỳ đánh giá, giám sát việc triển khai thực hiện quy hoạch quy định của pháp luật.

XIII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục XV)

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh

1. Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

b) Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, rà soát điều chỉnh quy hoạch

tỉnh theo quy định của pháp luật; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Quy hoạch;

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp thu hút đầu tư, bảo đảm nguồn lực tài chính, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh;

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt và thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội và quy định có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong Danh mục dự kiến ưu tiên đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này, phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, vùng và địa phương, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển đã được xác định tại Quyết định này và quy hoạch có liên quan (nếu có), bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật có liên quan; đồng thời, cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình. Đối với các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động, bố trí được đầy đủ các nguồn lực thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại văn bản số 4632/UBND-KTTH ngày 05 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

5. Các bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận trong việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ TỈNH NINH THUẬN GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Cấp ĐVHC	Số lượng ĐVHC trước khi sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau khi sắp xếp
1	**ĐVHC cấp huyện**	07 đơn vị	07 đơn vị
1.1	*Thành phố*	1	1
1.2	*Huyện*	6	6
2	**ĐVHC cấp xã**	65 đơn vị	63 đơn vị
2.1	*Thị trấn*	3	3
2.2	*Phường*	15	13
2.3	*Xã*	47	47

Ghi chú:

Tỉnh Ninh Thuận, dự kiến có 3 đơn vị hành chính cấp xã, phường thuộc diện sắp xếp là Phường: Thanh Sơn, Kinh Dinh, Mỹ Hương thuộc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; đồng thời có 02 phường Phủ Hà, Đài Sơn là đơn vị hành chính cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính khi thực hiện phương án sắp xếp, cụ thể đến năm 2025 tỉnh Ninh Thuận sẽ thực hiện sáp nhập một phần diện tích Phường Đài Sơn vào Phường Thành Sơn và một phần Phường Đài Sơn vào Phường Phủ Hà, để đảm bảo về tiêu chí diện tích và dân số theo quy định, đồng thời sáp nhập hoàn toàn Phường Kinh Dinh vào Phường Mỹ Hương. Như vậy, sau khi sắp xếp tỉnh Ninh Thuận sẽ giảm 2 đơn vị hành chính cấp xã Phường.

Nội dung sắp xếp đơn vị hành chính đề xuất nêu trên là phương án dự kiến. Việc sắp xếp đơn vị hành chính sẽ tiếp tục được cập nhật sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tuân thủ theo pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và thực hiện theo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tinh thần Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023.

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
		Hiện trạng năm 2021	Đến năm 2030	
1	TP. Phan Rang - Tháp Chàm	II	II	
2	Khánh Hải	V	V	
3	Thanh Hải		V	
4	Vĩnh Hy		V	
5	Lợi Hải		V	
6	Phước Dân	V	IV	
7	Phước Nam		IV	
8	Sơn Hải		V	
9	Cà Ná		IV	
10	Tân Sơn	V	IV	
11	Lâm Sơn		V	
12	Phước Đại		V	

Ghi chú:

- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

Phụ lục III

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu công nghiệp (KCN)	Địa điểm	Quy mô dự kiến (ha)
A	**Các KCN phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ**		**1.682**
I	***Đã thành lập***		
1	KCN Du Long	Huyện Thuận Bắc	407,28
2	KCN Phước Nam	Huyện Thuận Nam	370
3	KCN Thành Hải	Thành phố PRTC	77,99
II	***Thành lập mới***		
	KCN Cà Ná	Huyện Thuận Nam	827,2
B	**Dự kiến mở rộng khi tỉnh được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp**		
	KCN Cà Ná	Huyện Thuận Nam	

Ghi chú: Quy mô, diện tích và phạm vi ranh giới khu công nghiệp sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

Phụ lục IV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Hiện trạng	Quy mô dự kiến (ha)	Một số ngành nghề chính dự kiến hoạt động
	TỔNG (19 CCN)			**770,04**	
I	**Các cụm công nghiệp đã thành lập**			**188,76**	
1	CCN Tháp Chàm	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	23,48	23,48	Tập trung phát triển các ngành công nghiệp Chế biến, chế tạo, trong đó, ưu tiên Chế biến, gia công hạt điều, hạt dẻ; sản xuất, chế biến các loại giống cây trồng; chế biến các loại nông sản, thực phẩm; sản xuất bao bì giấy, sản phẩm xốp EPS; may mặc; cơ khí chế tạo; trang thiết bị nội thất, chế biến gỗ; các ngành dịch vụ vận tải kho bãi và các ngành khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.
2	CCN Quảng Sơn	Huyện Ninh Sơn	50,28	50,28	Tập trung các ngành công nghiệp theo định hướng sạch, ít gây ảnh hưởng môi trường, các ngành công nghiệp chế biến chế

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Hiện trạng	Quy mô dự kiến (ha)	Một số ngành nghề chính dự kiến hoạt động
					tạo, trong đó ưu tiên Cơ khí; may mặc, công nghiệp sành sứ, thủy tinh; công nghiệp chế biến thực phẩm và nông, lâm sản; tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.
3	CCN Phước Tiến	Huyện Bác Ái	40	40	Tập trung các ngành công nghiệp sạch, ít gây ảnh hưởng đến môi trường, sử dụng nguyên liệu tại chỗ của địa phương, Các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp; khai khoáng; Các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, ưu tiên: Sản xuất lắp ráp cơ khí, điện tử, tin học; các nhà máy có công nghệ cao; sản xuất nhựa xây dựng; sản xuất bột giấy và gỗ công nghiệp; chế biến thực phẩm và nông, lâm sản; vật liệu xây dựng; may mặc, giày da xuất khẩu; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và các ngành khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.
4	CCN Hiếu Thiện	Huyện Thuận Nam	50	75	Tập trung các ngành công nghiệp sạch, ít gây ảnh hưởng đến môi trường, phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo,

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Hiện trạng	Quy mô dự kiến (ha)	Một số ngành nghề chính dự kiến hoạt động
					trong đó ưu tiên chế biến các sản phẩm từ nông, lâm, thủy sản; sản xuất lắp ráp cơ khí, điện tử, tin học, vật liệu xây dựng; may mặc, giày da xuất khẩu; tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.
II	**Các cụm công nghiệp dự kiến thành lập mới**			**581,28**	
1	CCN Phước Đại	Huyện Bác Ái		35	Chủ yếu tập trung thu hút các ngành nghề ít gây ảnh hưởng đến môi trường, có công nghệ cao; các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, trong đó ưu tiên chế biến sản phẩm nông - lâm nghiệp; chế biến vật liệu xây dựng, may mặc; cơ khí; tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.
2	CCN Phước Tiến 1	Huyện Bác Ái		30	Chủ yếu tập trung thu hút các ngành nghề ít gây ảnh hưởng đến môi trường, các ngành công

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Hiện trạng	Quy mô dự kiến (ha)	Một số ngành nghề chính dự kiến hoạt động
					nghiệp chế biến chế tạo, trong đó ưu tiên: Cơ khí; sản xuất vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, chế biến gỗ; dệt, may, giày da, chế biến nông lâm, thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm; các ngành công nghệ cao như: sản xuất điện, năng lượng; các ngành dịch vụ, vận tải kho bãi và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.
3	CCN Tri Hải	Huyện Ninh Hải		30	Tập trung thu hút các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, trong đó ưu tiên: Chế biến các sản phẩm từ ngành nông sản, thủy sản, đồ đông lạnh, đồ hộp, nước mắm, rượu vang nho, sản phẩm từ nho, táo, rong biển,…); sản xuất vật liệu xây dựng; đóng tàu và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.
4	CCN ngành nghề nông thôn Phước Dân	Huyện Ninh Phước		20,28	Tập trung các ngành công nghiệp sạch, ít gây ảnh hưởng môi trường, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, trong đó ưu tiên: Cơ khí, may mặc; chế biến thực phẩm và nông sản; các ngành

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Hiện trạng	Quy mô dự kiến (ha)	Một số ngành nghề chính dự kiến hoạt động
					tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.
5	CCN Lợi Hải 1	Huyện Thuận Bắc		15,58	Tập trung thu hút các ngành công nghiệp sạch, ít gây ảnh hưởng môi trường, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong đó ưu tiên: chế biến thực phẩm, Sản xuất VLXD, cơ khí, sản xuất chế biến gỗ, sản xuất hàng tiêu dùng, các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.
6	CCN Lợi Hải 2	Huyện Thuận Bắc		33,42	
7	CCN Chế biến thủy sản	Huyện Thuận Nam		17	Tập trung thu hút các ngành công nghiệp chế biến từ các sản phẩm nông sản, thủy sản tập trung ít gây ảnh hưởng đến môi trường.
8	CCN Phước Nam 1	Huyện Thuận Nam		50	Tập trung các ngành công nghiệp ít gây ảnh hưởng đến môi trường, có công nghệ cao, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, trong đó ưu tiên: sản xuất lắp ráp cơ khí, điện tử, tin học; vật liệu xây dựng; may mặc, giày da xuất khẩu,...; các ngành khai khoáng, các ngành
9	CCN Phước Nam 2	Huyện Thuận Nam		50	
10	CCN Phước Nam 3	Huyện Thuận Nam		50	

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Hiện trạng	Quy mô dự kiến (ha)	Một số ngành nghề chính dự kiến hoạt động
11	CCN Phước Nam 4	Huyện Thuận Nam		50	sản xuất điện, năng lượng mới như: Hydrogen, điện sinh khối,...; các ngành tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.
12	CCN Phước Nam 5	Huyện Thuận Nam		50	
13	CCN Phước Minh 1	Huyện Thuận Nam		75	Cụm công nghiệp chuyên ngành, tập trung các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, trong đó ưu tiên: Công nghiệp sản xuất các sản phẩm hóa chất sau muối, sản xuất các sản phẩm Xút (NaOH), EDC và nguyên liệu nhựa PVC và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.
14	CCN Phước Minh 2	Huyện Thuận Nam		26	Cụm công nghiệp đa ngành, trong đó ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chế biến chế tạo như: sản xuất các sản phẩm từ Plastic; Mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; các ngành Khai khoáng như: Khai thác muối (Nghiền, tẩy rửa và tinh chế muối phục vụ cho sản xuất); các ngành Dịch vụ, vận tải kho bãi và các dịch vụ khác...

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Hiện trạng	Quy mô dự kiến (ha)	Một số ngành nghề chính dự kiến hoạt động
15	CCN Phước Minh 3	Huyện Thuận Nam		49	Tập trung thu hút các ngành công nghiệp ít gây ảnh hưởng đến môi trường, phát triển các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, trong đó ưu tiên: chế biến các sản phẩm từ nông, lâm, thủy sản; sản xuất lắp ráp cơ khí, điện tử, tin học; các nhà máy có công nghệ cao; công nghiệp hỗ trợ; vật liệu xây dựng; may mặc, giày da xuất khẩu; tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề khác phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương.
III	**Các cụm đưa ra khỏi quy hoạch**			**60**	
1	CCN chế biến Pigment			30	Theo nghị quyết 115/NQ-CP, tạm dừng khai thác Titan, công nghiệp pigment là 1 dạng sản phẩm từ chế biến sâu Titan. Chính vì vậy định hướng của tỉnh không phát triển 2 CCN này.
2	CCN Titan			30	

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

Phụ lục V

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU DU LỊCH TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khu quy hoạch	Địa điểm
1	Phát triển các dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp từ Bình Tiên - Bãi Thùng	Huyện Thuận Bắc, Huyện Ninh Hải
2	Phát triển các dự án Khu du lịch sinh thái, du lịch khám phá, phát triển khu đô thị du lịch, thương mại và các mô hình du lịch cộng đồng tại các Khu vực Vĩnh Hy và Vườn Quốc gia Núi Chúa	Huyện Thuận Bắc, Huyện Ninh Hải
3	Phát triển các dự án khu du lịch sinh thái, bảo tồn bền vững cảnh quan tự nhiên và tham quan từ Hang Rái, Thái An đến Mỹ Hòa.	Huyện Ninh Hải
4	Phát triển các dự án du lịch trải nghiệm kết hợp thể thao và khu đô thị tại Thanh Hải	Huyện Ninh Hải
5	Phát triển các dự án du lịch khám phá, du lịch văn hóa, kết hợp vui chơi giải trí, di sản, sinh thái, nghỉ dưỡng tại khu ven biển Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và Đầm Nại; Phát triển các khu đô thị, du lịch kết hợp bến du thuyền tại Đầm Nại	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Huyện Ninh Hải
6	Phát triển các dự án các khu đô thị du lịch, khu du lịch tham quan, trải nghiệm các khu vực cảnh quan độc đáo như động cát Nam Cương, cánh đồng điện gió, rong biển tại Khu vực Nam Sông Dinh	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, Huyện Ninh Phước
7	Phát triển các dự án tổ hợp du lịch dịch vụ, du lịch trải nghiệm, nghỉ dưỡng vui chơi, tham quan khai thác địa hình độc đáo tại khu vực Mũi Dinh.	Huyện Thuận Nam
8	Phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng, trải nghiệm, di sản văn hóa và khám phá độc đáo cát - muối - biển tại Khu vực phía Nam tử Mũi Dinh đến Cà Ná.	Huyện Thuận Nam

TT	Khu quy hoạch	Địa điểm
9	Phát triển các dự án du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, di sản	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Huyện Ninh Phước
10	Phát triển các dự án du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái rừng - thác và săn bắn bán hoang dã	Huyện Bác Ái, Huyện Ninh Sơn, Huyện Thuận Bắc

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, phạm vi ranh giới, diện tích các khu du lịch, các dự án tại khu du lịch sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và Đề án phát triển Du lịch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĂN HÓA, THỂ THAO TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình	Địa điểm
I	**Văn hóa - Thể dục thể thao**	
A	**Văn hóa**	
a	*Hiện có*	
1	Trung tâm biểu diễn văn hóa nghệ thuật tỉnh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
2	Đồn Tà Lú - Ma Ty	Huyện Bác Ái
3	Mở rộng di tích bẫy đá Pi Năng Tắc	Huyện Bác Ái
4	Khu di tích lịch sử Trại tập trung Bà Râu	Huyện Thuận Bắc
5	Nâng cấp Nhà bảo tàng tỉnh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
b	*Xây mới*	
1	Bia tưởng niệm di tích lịch sử sự kiện thảm sát Ấp Nam năm 1947	Huyện Ninh Phước
2	Khu bảo tồn văn hóa Raglai	Huyện Bác Ái
3	Khu bảo tồn văn hóa Chăm	Huyện Ninh Phước
II	**Thể thao**	
a	*Hiện có*	
	Nâng cấp Sân vận động tỉnh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
b	*Xây mới*	
1	Trung tâm thể dục thể thao và nhà thi đấu đa năng tỉnh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
2	Các sân golf tại vị trí tiềm năng phục vụ phát triển ngành dịch vụ, du lịch và phát triển đô thị	Toàn tỉnh

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, phạm vi ranh dưới, diện tích và danh mục dự án sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện.

Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch dự kiến (cấp/làn xe)
I	**Đường tỉnh hiện có**			
	Đường ven biển (ĐT.701, ĐT.702)	Giao QL.1A (huyện Thuận Bắc)	Giao QL.1A (huyện Thuận Nam)	Cấp III, 2-4 làn xe
II	**Đường tỉnh nâng cấp, mở rộng, giữ nguyên chiều dài tuyến**			
1	Đường tỉnh 706	Giao QL.1A (huyện Thuận Bắc)	Giao QL.27B (huyện Bác Ái)	Cấp IV, 2 làn xe
2	Đường tỉnh 710	Giao ĐT.701 tại ngã ba An Long (huyện Thuận Nam)	Giao đường thống nhất, gần cầu Đạo Long 1 (huyện Ninh Phước)	Cấp III, 2-4 làn xe
III	**Đường tỉnh nâng cấp, mở rộng và điều chỉnh chiều dài tuyến**			
1	Đường tỉnh 703	Giao QL.1A (huyện Ninh Phước)	Giao QL.1A (huyện Thuận Bắc)	Cấp III, 2-4 làn xe
2	Đường tỉnh 704 (2 nhánh)	Giao ĐT.703 (huyện Ninh Hải)	Giao ĐT.702B (huyện Thuận Bắc)	Cấp II-III, 2-4 làn xe

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch dự kiến (cấp/làn xe)
3	Đường tỉnh 705	Giao QL.1A (huyện Ninh Hải)	Giao ĐT.708 (huyện Ninh Sơn)	Cấp II-III, 2-4 làn xe
4	Đường tỉnh 707	Giao QL.27B (huyện Ninh Sơn)	Ranh giới tỉnh Khánh Hòa - tỉnh Ninh Thuận (huyện Bác Ái)	Cấp IV, 2 làn xe
5	Đường tỉnh 707B	Giao QL.27 (huyện Ninh Sơn)	Thác Chapơr (huyện Bác Ái)	Cấp III, 2-4 làn xe
6	Đường tỉnh 708	Giao QL.1A (huyện Ninh Phước)	Ranh giới tỉnh Ninh Thuận - tỉnh Lâm Đồng (huyện Ninh Sơn)	Cấp IV, 2-4 làn xe
7	Đường tỉnh 709	Giao QL1A (huyện Thuận Nam)	Giao QL.27 (huyện Ninh Sơn)	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
8	Đường tỉnh 709B	Giao ĐT.709 (huyện Thuận Nam)	Giao QL1A (huyện Ninh Phước)	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
IV	**Đường tỉnh quy hoạch mới**			
1	Đường tỉnh 701B (đường vành đai phía Đông Nam)	Giao QL27 (huyện Ninh Sơn)	Giao đường ven biển (huyện Ninh Phước)	Cấp II, 4 làn xe
2	Đường tỉnh 702B (đường vành đai phía Bắc)	Giao đường ven biển (huyện Ninh Hải)	Giao QL27 (huyện Ninh Sơn)	Cấp II, 4 làn xe
3	Đường tỉnh 705B (Đường nối cao tốc về TP PRTC)	Giao QL27 (huyện Ninh Sơn)	Đường Trường Chinh (TP. Phan Rang - Tháp Chàm)	Cấp II, 2-6 làn xe

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch dự kiến (cấp/làn xe)
4	Đường tỉnh 709C (Đường nối cao tốc với QL1 và cảng Cà Ná)	Giao ĐT.709 (huyện Thuận Nam)	Giao đường ven biển (huyện Thuận Nam)	Cấp II, 2-6 làn xe
5	Tuyến kết nối tỉnh lộ 9	Giao QL.27 (huyện Bác Ái)	Ranh giới tỉnh Khánh Hòa - tỉnh Ninh Thuận (huyện Bác Ái)	Cấp IV, 2 làn xe
6	Đường tỉnh 707C (Tuyến đường tránh QL27B)	Giao QL27 (huyện Ninh Sơn)	Giao QL27B (huyện Bác Ái)	Cấp III, 2 làn xe
7	Đường tỉnh 707D (Tuyến đường tránh QL27)	Giao QL27 và ĐT.709 (huyện Ninh Sơn)	Giao QL27 (huyện Ninh Sơn)	Cấp III, 4 làn xe
V	**Đường kết nối với Tây Nguyên quy hoạch mới**			
1	Tuyến đường động lực kết nối Cảng tổng hợp Cà Ná lên khu vực Nam Tây Nguyên	Huyện Thuận Nam	Giao ĐT.709D (huyện Ninh Sơn)	Cấp II-III, 2-6 làn xe
2	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (ĐT.709D)	Giao Quốc lộ 27 (huyện Ninh Sơn)	Ranh giới tỉnh Ninh Thuận - tỉnh Lâm Đồng (huyện Ninh Sơn)	Cấp II-III, 2-6 làn xe

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, chiều dài, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN

TT	Hạng mục	Quy mô, công suất (MW)		
		Hiện trạng	Quy mô công suất đã được phê duyệt bổ sung quy hoạch giai đoạn: 2021 - 2030	Quy mô công suất tiềm năng phát triển
I	**Danh mục nguồn thuộc QHĐ VIII (Tại Quyết định số 500/QĐ-TTg, ngày 15/5/2023)**		**4.270,0**	**224,0**
1	Điện mặt trời			224,0
2	Nguồn LNG Cà Ná		1.500,0	
3	Thủy điện tích năng		2.400,0	
4	Điện mặt trời tự sản tự tiêu		320,0	0,0
5	Điện gió trên bờ		50,0	
II	**Danh mục nguồn được phê duyệt bổ sung quy hoạch**		**19.010,7**	**50.370,2**
1	**Nguồn LNG Cà Ná (nâng công suất)**			**4.500,0**
2	**Thủy Điện**	**329,5**	**144,5**	
2.1	Thủy điện từ 30MW trở lên	240	80	
2.2	Thủy điện vừa và nhỏ dưới 30MW	89,45	64,5	
3	**Điện mặt trời**	**3.161,0**	**3.400,0**	**11.211,8**
3.1	Điện mặt trời nối lưới	3.161,0	120,0	5.487,8
3.2	Điện mặt trời tự sản tự tiêu		3.280,0	5.724,0

TT	Hạng mục	Quy mô, công suất (MW)		
		Hiện trạng	Quy mô công suất đã được phê duyệt bổ sung quy hoạch giai đoạn: 2021 - 2030	Quy mô công suất tiềm năng phát triển
4	**Điện gió**		**15.454,2**	**30.000,0**
4.1	Điện gió trên bờ	549,2	3.454,2	
4.2	Điện gió ngoài khơi		6.000,0	15.000,0
4.3	ĐGNK vị trí nằm ngoài 6 hải lý		6.000,0	15.000,0
5	**Nguồn điện sinh khối, điện rác, địa nhiệt, điện khí sinh học**		**12,0**	**58,4**
6	**Thủy điện tích năng**			**4.600,0**

Ghi chú:

(*) Các dự án thủy điện đang vận hành chỉ được thực hiện điều chỉnh công suất khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng các quy định về quy hoạch, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Việc đầu tư các dự án nguồn điện có tiềm năng phát triển phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tiềm năng phát triển và các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và các quy định khác có liên quan.

B. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH ĐIỆN

1. Phương án phát triển công trình trạm biến áp 500 kV

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
I	**Các trạm 500 kV có trong Quy hoạch điện VIII**		

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
1	Ninh Sơn	1.800	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực.
2	Thuận Nam	2.700	Cải tạo, giải tỏa nguồn điện khu vực
3	Dự phòng phát sinh TBA 500 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	2.100	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
4	Thiết kế sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái cho sân phân phối 500 kv LNG Cà Ná		Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện
5	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, svc, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...
II	**Các trạm dự kiến phát triển dự phòng**		
	Điện gió ngoài khơi Ninh Thuận 1 (***)	900	

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp phải căn cứ vào Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự

án nguồn điện. Trong quá trình thực hiện, tùy điều kiện phát triển thực tiễn và quy hoạch để lắp đặt máy biến áp phù hợp; đối với máy biến áp 110kV, tùy vào cấp điện áp trung áp khu vực đang sử dụng và phụ tải tại khu vực cấp điện để lắp đặt số cuộn dây và cấp điện áp phù hợp.

2. Phương án phát triển công trình đường dây 500 kv

STT	Tên đường dây	Số mạch	X	Km	Ghi chú
I	**Các đường dây 500 kV có trong Quy hoạch điện VIII**				
1	Ninh Sơn - Rẽ NMNĐ Vân Phong I - Thuận Nam	4	X	18	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Ninh Sơn
2	Ninh Sơn - Chơn Thành	2	X	275	Xây mới, giải tỏa công suất nguồn điện. Thay thế ĐD 500 kv Thuận Nam - Chơn Thành đã được phê duyệt tại Văn bản số 1891/TTg-CN ngày 27/12/2018 để thuận lợi trong đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành.
3	TĐTN Bác Ái - Ninh Son	2	X	25	Xây mới, đồng bộ TĐTN Bác Ái, thay cho ĐD 500 kv TĐTN Bác Ái - Rẽ Vân Phong - Thuận Nam
4	Đấu nối TĐTN Nam Trung Bộ	30			Xây mới, đồng bộ TĐTN Nam Trung Bộ
5	LNG Cà Ná - Thuận Nam	2	X	30	Xây mới, đồng bộ LNG Cà Ná. Kiến nghị thiết kế sân phân phối 500 kv LNG Cà Ná với sơ đồ vận hành linh hoạt, có phân đoạn thanh cái
6	LNG Cà Ná - Bình Dương 1	2	X	280	Xây mới, đồng bộ LNG Cà Ná; giải tỏa công suất LNG Cà Ná và nguồn điện khu vực
7	Nam Trung Bộ 1 - Thuận Nam (*)	2	X	20	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

STT	Tên đường dây	Số mạch	X	Km	Ghi chú
8	Nam Trung Bộ 2 - Thuận Nam (*)	2	X	50	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
9	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			440	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
II	**Các đường dây 500 kV dự kiến phát triển dự phòng**				
1	Vân Phong - Thuận Nam	2	X	157	
2	Ninh Sơn - Rẽ Thuận Nam - Chơn Thành	4	X	2	
3	TBK Cà Ná-Ninh Sơn	1	X	40	
4	ĐGNK Bình Thuận 1 - Thuận Nam (*)(**)	2	X	50	
5	ĐGNK Bình Thuận 3-Rẽ TBK Cà Ná-Thuận Nam (*)(***)	2	X	15	
6	TĐTN Phước Hòa - Rẽ TĐTN Bác Ái - Ninh Sơn (**)	2	X	12	

3. Phương án phát triển công trình trạm biến áp 220 kv

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (WA)	Ghi chú
I	**Các trạm 220 kV có trong Quy hoạch điện VIII**		
1	Trạm cắt Đa Nhim	Trạm cắt	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực, do trạm 220 kv TĐ Đa Nhim không mở rộng được ngăn lộ 220 kv
2	Cà Ná	500	Xây mới
3	Đông Quán Thẻ	480	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (WA)	Ghi chú
4	TĐ Đa Nhim	375	Cải tạo
5	Phước Thái (*)	625	Cài tạo, giải tỏa nguồn điện khu vực
6	Bim 2	500	Nâng công suất trạm biến áp theo công văn số 542/TTg-CN ngày 14/5/2020 của Thủ tướng
II	**Các trạm 220 kV dự kiến phát triển dự phòng**		
1	Ninh Phước	250	
2	ĐGNK Ninh Thuận 3	500	
3	ĐGNK Ninh Thuận 4	750	
4	TĐ Đa Nhim	375	

4. Phương án phát triển công trình đường dây 220 kv

TT	Tên đường dây	Số mạch	X	km	Ghi chú
I	**Các đường dây 220 kV có trong Quy hoạch điện VIII**				
1	Trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Rẽ Tháp Chàm - Đa Nhim	2	X	85	Xây mới, đồng bộ trạm cắt 220 kv Đa Nhim
2	Trạm cắt 220 kv Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh	2	X	85	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực; thay thế cho công trình cải tạo ĐD 220 kv Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh từ 01 mạch lên 02 mạch do khó khăn cắt điện thi công ĐD hiện hữu và không mở rộng được TBA 220 kv TĐ Đa Nhim
3	Đức Trọng - Rẽ trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Di Linh	2	X	1	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
4	Nha Trang - Tháp Chàm	2	X	88	Xây mới
5	500 kV Ninh Sơn - Rẽ Tháp Chàm - Ninh Phước	4	X	22	Xây mới, đấu nối TBA 500 kv Ninh Sơn

TT	Tên đường dây	Số mạch	X	km	Ghi chú
6	500 kV Ninh Sơn - Ninh Phước	2	X	35	Xây mới, thay thế cho ĐD 220 kV Ninh Phước - Vĩnh Tân do khó khăn về hướng tuyến
7	500 kV Ninh Sơn - Trạm cắt 220 kv Đa Nhim	2	X	18	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
8	Tháp Chàm - trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	X	46	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
9	500 kV Vĩnh Tân - Cà Ná	2	X	14	Xây mới, đấu nối trạm 220 kv Cà Ná
10	Ninh Phước - 500 kV Thuận Nam	2	X	25	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
11	Phước Thái - Rẽ Vĩnh Tân - Tháp Chàm (mạch 2)	2	X	3	Đấu nối trạm 220 kv Phước Thái chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Vĩnh Tân - Tháp Chàm, giải tỏa nguồn điện khu vực
12	ĐG Phước Hữu - 220 kV Ninh Phước (*)	1	X	2	Xây mới, đấu nối ĐG Phước Hữu, thay cho ĐD 110 kV ĐG Phước Hữu - 110 kv Ninh Phước đã được phê duyệt tại Quyết định số 3768/QĐ-BCT ngày 27/7/2011 do lưới điện 110 kv không có khả năng giải tỏa. Trạm nâng áp 220 kv ĐG Phước Hữu có công suất 63MVA
13	ĐG số 5 Ninh Thuận - Ninh Phước	2	X	2	Xây mới, đồng bộ ĐG số 5 Ninh Thuận
14	Đông Quán Thẻ - Rẽ Vĩnh Tân - Trạm cắt 220kv Quán Thẻ	2	X	1	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
15	Đông Quán Thẻ - Cà Ná	1	X	7	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
16	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV cải tạo và xây mới	430			Dự phòng cho tăng trưng phụ tải và phát triển nguồn điện

TT	Tên đường dây	Số mạch	X	km	Ghi chú
II	**Các đường dây 220 kV dự kiến phát triển dự phòng**				
1	ĐG Bim - trạm cắt 220 kV Quán Thẻ	1	X	3	
2	ĐGNK Ninh Thuận 3-500KV Thuận Nam	2	X	20	
3	ĐGNK Ninh Thuận 4-Tháp Chàm	2	X	23	
4	Xây dựng đường dây mạch kép 220kV từ Trạm biến áp 35/220kV	1	X	1	
5	Xây dựng đường dây 220kV mạch đơn từ TBA 220kV Đông Quán Thẻ	1	X	6.5	
6	TĐ Đa Nhim mở rộng - TĐ Đa Nhim	1	X	0.1	
7	Đường dây 4 mạch đấu nối thanh cái 220kV TBA 500kV Thuận Nam	4	X	25	
8	Đường dây 220kV mạch kép 220kV Ninh Phước - Vĩnh Tân	4	X	35	

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp và tuyến đường dây 500kV và 220kV phải căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phương án phát triển công trình trạm biến áp 110 kv

TT	Tên TBA 110kV	MBA	Hiện Tại		Giai đoạn 2021 - 2030	
			Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)
1	Ninh Sơn	T1	25	110/22	63	
		T2	25	110/22	63	

TT	Tên TBA 110kV	MBA	Hiện Tại		Giai đoạn 2021 - 2030	
			Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)
2	TBA Tháp Chàm	T1	40	110/22	63	110/22
		T2	40	110/22	63	110/22
3	TBA Ninh Hải	T1	40	110/22	63	110/22
		T2	25	110/22	63	110/22
4	TBA KCN Du Long	T1			40	110/22
		T2			40	110/22
5	TBA Mỹ Phong	T1			40	110/22
		T2			40	110/22
6	TBA Bình Tiên	T1			25	110/22
		T2			25	110/22
7	TBA Thuận Bắc	T1			25	110/22
		T2			25	110/22
8	TBA Ninh Phước	T1	25	110/22	63	110/22
		T2	25	110/22	63	110/22
9	TBA Ninh Thuận 1	T1	25	110/22	40	110/22
		T2			40	110/22
10	TBA Thuận Nam	T1			40	110/22
		T2				
11	TBA Phước Nam	T1			40	110/22
		T2				
12	TBA KCN Cà Ná	T1			63	110/22
		T2			63	110/22
13	TBA KCN Cà Ná 1	T1			63	110/22
		T2			63	110/22
14	TBA KCN Cà Ná 2	T1			63	110/22
		T2			63	110/22
15	TBA Mũi Dinh	T1			40	110/22
		T2			40	110/22
		T3			63	110/22
16	TBA Nam Cương	T1			63	110/22
		T2				

TT	Tên TBA 110kV	MBA	Hiện Tại		Giai đoạn 2021 - 2030	
			Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)
17	TBA Ninh Sơn	T1	25	110/22	40	110/22
		T2	25	110/22	40	110/22
18	TBA Bác Ái	T1			25	110/22
		T2				
19	TBA Hòa Sơn	T1			40	110/22
		T2				
20	TBA NMĐG Phước Dinh	T1			50	35/110
21	TBA KCN Phước Nam	T1	63	110/22		
		T2	63	110/22		
		T3	63	110/22		

6. Phương án phát triển công trình đường dây 110 kV

STT	Danh mục đường dây 110kV	Tiết diện tương đương (mm^2)		Quy mô	
		Hiện có	Xây mới hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)
I	**Xây dựng mới**				
1	Nhánh rẽ 110 kV TBA TiTan (Phước Nam)		ASCR 300	2	1.5
2	Nhánh rẽ 110 kV TBA Nam Cương		ASCR 300	2	8.5
3	Nhánh rẽ 110kV Thuận Bắc-110kV Ninh Hải - Cam Ranh		ASCR 300	2	1.5
4	ĐZ 110kV cấp điện TBA Mỹ Phong		ASCR 300	2	14
5	110kV Nam Cương - 220kV Ninh Phước - Ninh Thuận 1		ASCR 300	2	8.5

STT	Danh mục đường dây 110kV	Tiết diện tương đương (mm^2)		Quy mô	
		Hiện có	Xây mới hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)
6	Nhánh rẽ trạm 110kV Thuận Bắc (ACSR-240)		ASCR 300	2	1.5
7	Ninh Phước 220kV-Ninh Thuận 1.		2xASCR 300	2	8
8	Nhánh rẽ 110kV TBA Thuận Nam		ASCR 300	2	1.5
9	Nhánh rẽ 110kV TBA Du Long		ASCR 240	2	1.5
10	Nhánh rẽ 110kV TBA Bình Tiên		2xASCR 240	2	9
11	Nhánh rẽ 110kV TBA Mũi Dinh		2xASCR 300	2	12
12	Xây dựng DZ 110kV KCN Cà Ná 1		ASCR 300	2	4.5
13	Xây dựng mới mạch 2 ĐD 110kV Tháp Chàm 2 - Ninh Phước		ASCR 300	2	44.5
14	Xây dựng mới mạch 2 ĐD 110kV Ninh Phước - Phan Rí dài		ASCR 300	2	22
15	Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối TBA 110kV NMĐG Phước Dinh		ASCR 330	2	8
16	Xây dựng 2 xuất tuyến đường dây110kV, tiết diện ACSR 400, tổng chiều dài khoảng 8,2km từ trạm biến áp 220kV Phước Thái đến thanh cái 110kV ĐMT Phước Hữu và ĐMT Phước Hữu		ASCR 400	2+1	8.2

STT	Danh mục đường dây 110kV	Tiết diện tương đương (mm^2)		Quy mô	
		Hiện có	Xây mới hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)
	Điện lực 1 (trong đó đoạn từ trạm 220kV Phước Thái đến điện mặt trời Phước Hữu là dây mạch kép và đoạn từ điện mặt trời Phước Hữu đến ĐMT Phước Hữu điện lực 1 là đường dây 1 mạch)				
17	Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép đấu nối trạm biến áp 110kV ĐMT Ninh Phước 6.2 chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ 220kV Phước Thái - ĐMT Phước Hữu điện lực 1, chiều dài 0,2km, tiết diện ACSR 400		ASCR 400	2	0.2
18	Xây dựng tuyến đường dây Điều chỉnh phương án đấu nối dự án điện mặt trời Bim sang đấu nối ở cấp 110kV Trạm biến áp 220kV/110/35 Kv ĐMT Bim 2, chiều dài 4,8Km, tiết diện ACSR 400		ASCR 400	2	4.8
19	Nhánh rẽ 110kV TBA Bắc Ái		2xASCR 240	2	25
20	Trạm 220kV Tháp Chàm - Ninh Hải			2	25
21	Trạm 220kV Tháp Chàm - Cam Thịnh Đông			2	1.5

STT	Danh mục đường dây 110kV	Tiết diện tương đương (mm^2)		Quy mô	
		Hiện có	Xây mới hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)
22	Trạm 220kV Tháp Chàm - Cam Thịnh Đông			2	1.5
23	DZ 110kV cấp điện TBA 110kV Bắc Ái			2	25
24	Nhánh rẽ 110kV Quảng Sơn		2xACSR-240	2	5.5
25	DZ 110kV cấp điện TBA 110kV Hòa Sơn			2	15
26	Trạm 220 kV Tháp Chàm - Ninh Hải		ACSR-240	1	28
27	Nhánh rẽ TBA 110kV Thuận Bắc		2xACSR-240	2	3
28	DZ 110kV TBA 110kV KCN Phước Nam		2xACSR-240	2	2.5
29	DZ 110kV TBA TĐ Phước Hòa		ACSR-185	1	16
II	**Cải tạo, nâng tiết diện**				
1	Cải tạo đường dây 2 mạch rẽ nhánh vào Trạm biến áp 110kV Ninh Thuận 1	AC-300	2xACSR300	2	5
2	Trạm 220kV Tháp Chàm - Ninh Hải - Nam Cam Ranh	ACSR185/29+ACSR336.4MCM	2xACSR-240	2	6
3	Trạm 220 kV Tháp Chàm - Cam Thịnh Đông	ACSR185/29+ACSR336.4MCM	2xACSR-240	2	1.5
4	Cải tạo nâng khả năng tải đường dây 110kV 175 Đa	173 Tháp	2xACSR/Mz-240	2	50.3

STT	Danh mục đường dây 110kV	Tiết diện tương đương (mm^2)		Quy mô	
		Hiện có	Xây mới hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)
	Nhim - 173 Tháp Chàm 2 từ dây ACSR-185/29 & ACSR-336,4MCM thành 2xACSR/Mz-240, dài khoảng 50,03km.	Chàm 2 từ dây ACSR-185/29 & ACSR-336,4			
5	Cải tạo nâng khả năng tải đường dây 110kV Đa Nhim - Hạ Sông Pha - Ninh Sơn - Tháp Chàm từ dây ACSR-185+ACSR336,4MCM thành 2xACSR-240, dài khoảng 41,81km.	ACSR-185+ACSR336,4MCM	2xACSR-240	2	41.81
6	Cải tạo đường dây 110kV Tháp Chàm - Ninh Phước	ACSR-185/29	ACSR-300	1	17
7	Cải tạo, nâng khả năng tải đường dây 110kV Ninh Phước - Phú Lạc từ	ACSR-185/29	ACSR-300	1	15

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường dây 110kV căn cứ Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chiều dài đường dây sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.

7. Phương án phát triển công trình TBA và đường dây sau trạm 110kV

Xây dựng các trạm TBA và đường dây sau 110kV phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục IX

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HỒ THỦY LỢI TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên hồ	Địa điểm xây dựng
1	Hồ Đa Mây	Huyện Bác Ái
2	Hồ Ô Căm	Huyện Bác Ái
3	Hồ Ma Nới	Huyện Ninh Sơn
4	Hồ Quảng Sơn	Huyện Ninh Sơn
5	Hồ Suối Cát	Huyện Ninh Sơn
6	Hồ Tầm Ngân	Huyện Ninh Sơn
7	Hồ Đồng Nha	Huyện Thuận Bắc
8	Hồ Thái An	Huyện Ninh Hải
9	Hồ rẻ quạt	Huyện Ninh Hải
10	Hồ Suối sâu	Huyện Ninh Hải
11	Hồ Vĩnh Hy	Huyện Ninh Hải
12	Hồ Bãi hời	Huyện Ninh Hải
13	Hồ Suối So	Huyện Ninh Phước
14	Hồ chứa nước Trà Van	Huyện Thuận Nam
15	Hồ chứa nước Tân Giang 2	Huyện Thuận Nam
16	Hồ chứa nước Phước Hà	Huyện Thuận Nam

Phụ lục X

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình	Số lượng (công trình)
	Cấp nước đô thị	**05**
1	**Cải tạo, nâng cấp**	**02**
1.1	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	01
1.2	Huyện Ninh Phước	01
2	**Xây dựng mới**	**03**
2.1	Huyện Bác Ái	01
2.2	Huyện Thuận Bắc	02

Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô diện tích dự kiến	Quy mô công suất và công nghệ dự kiến	Ghi chú
1	Khu xử lý chất thải vùng phía Bắc	Huyện Thuận Bắc	13 ha	Công suất dự kiến khoảng 300-600 tấn/ngđ; công nghệ dự kiến: tái chế chất thải rắn, sản xuất phân hữu cơ và chôn lấp hợp vệ sinh, và các công nghệ khác phù hợp	Xử lý chất thải rắn
2	Khu xử lý chất thải vùng phía Nam	Huyện Thuận Nam	50ha	Công suất dự kiến khoảng 1000-1500 tấn/ngđ; công nghệ dự kiến: tái chế chất thải rắn, sản xuất phân hữu cơ, chôn lấp hợp vệ sinh, công nghệ đốt, và các công nghệ khác phù hợp	Xử lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại
3	Khu xử lý chất thải vùng phía Tây	Huyện Ninh Sơn	20ha	Công suất dự kiến khoảng 400-800 tấn/ngđ; công nghệ dự kiến: sản xuất phân hữu cơ, chôn lấp hợp vệ sinh, công nghệ đốt và các công nghệ khác phù hợp	Xử lý chất thải rắn

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, công nghệ xử lý của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục XII

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 TỈNH NINH THUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định bổ sung	Tổng diện tích
I	**Loại đất**				
1	***Đất nông nghiệp***	***NNP***	***281.679***	**-**	***281.679***
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	14.650	-	14.650
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	14.650	-	*14.650*
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN		20.982	20.982
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	123.226	-	123.226
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	40.633	-	40.633
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	24.254	-	24.254
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	18.887	-	*18.887*
1.6	Các loại đất nông nghiệp còn lại			57.934	57.934
2	***Đất phi nông nghiệp***	***PNN***	***50.324***	**-**	***50.324***
	Trong đó:				**-**
2.1	Đất khu công nghiệp	SKK	1.682	-	1.682
2.2	Đất quốc phòng	CQP	3.161	-	3.161
2.3	Đất an ninh	CAN	635	-	635
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT		4.008	4.008
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT		2.763	2.763
2.6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		150	150
2.7	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		66	66

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định bổ sung	Tổng diện tích
2.8	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		-	-
2.9	Đất cụm công nghiệp	SKN		770	770
2.10	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		1.382	1.382
2.11	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		996	996
2.12	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		2.193	2.193
2.13	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	4	-	4
2.14	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	302	-	302
2.15	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	182	-	182
2.16	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		-	-
2.17	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	26.657	-	26.657
	Trong đó:				-
-	Đất giao thông	DGT	7.168	-	7.168
-	Đất thủy lợi	DTL		10.121	10.121
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	146	-	146
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	84	-	84
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	484	-	484
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	352	-	352
-	Đất công trình năng lượng	DNL	8.146	-	8.146
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	8	-	8
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON		106	106
2.19	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		859	859

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định bổ sung	Tổng diện tích
2.20	Các loại đất phi nông nghiệp còn lại			4.378	4.378
3	***Đất chưa sử dụng***	***CSD***	***3.531***	***-***	***3.531***
	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng		5.468		5.468
II	**Khu chức năng**				-
1	***Đất khu công nghệ cao***	***KCN***		***-***	***-***
2	***Đất khu kinh tế (*)***	***KKT***		***-***	***-***
3	***Đất đô thị***	***KDT***	***36.553***	***-***	***36.553***
4	***Khu sản xuất nông nghiệp***	***KNN***		***35.632***	***35.632***
5	***Khu lâm nghiệp***	***KLN***		***188.113***	***188.113***
6	***Khu du lịch***	***KDL***		***4.228***	***4.228***
7	***Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học***	***KBT***		***40.633***	***40.633***
8	***Khu phát triển công nghiệp***	***KPC***		***2.452***	***2.452***
9	***Khu đô thị***	***DTC***		***7.080***	***7.080***
10	***Khu thương mại - dịch vụ***	***KTM***		***1.382***	***1.382***
11	***Khu dân cư nông thôn***	***DNT***		***8.183***	***8.183***

Ghi chú:

(*) Dự kiến thành lập Khu kinh tế (KKT) ven biển phía Nam tỉnh (với quy mô dự kiến khoảng 43.900 ha) thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tỉnh Ninh Thuận, theo Nghị Quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV và Nghị quyết 15-NQ-TU ngày 11/01/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2021-2025 và Thông báo 171/TB-VPCP ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Việc phát triển KKT ven biển phía Nam tỉnh Ninh Thuận trở thành một trong các khu kinh tế của cả nước sẽ tiếp tục được rà soát theo các điều kiện quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP và đảm bảo về chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia phân bổ khi được bổ sung.

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Ký hiệu	Tổng số khu vực quy hoạch	Khu vực đã cấp phép hoạt động thăm dò khai thác	Khu vực chưa cấp phép
1	Khu vực khoáng sản làm vật liệu san lấp	Diện tích có tọa độ điểm góc	VLSL	59	14	45
2	Khu vực khoáng sản đá chẻ và đá ốp lát	Diện tích có tọa độ điểm góc	ĐC	20	5	15
3	Khoáng sản đá xây dựng	Diện tích có tọa độ điểm góc	ĐXD	34	18	16
4	Khoáng sản sét gạch ngói	Diện tích có tọa độ điểm góc	Sgn	42	42	0
5	Khoáng sản cát xây dựng	Diện tích có tọa độ điểm góc	Cxd	18	18	0
6	Khoáng sản cát xây dựng tại các suối	Suối có tọa độ cửa suối	Cxd	33		33
	Tổng			206	97	109

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ quy hoạch cấp cao hơn, phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan để rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh và các quy định hiện hành. Các khu vực bãi thải của mỏ có quyết định đóng cửa mỏ và các khu vực khoáng sản được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ thì quy mô diện tích, công suất, giai đoạn theo dự án đầu tư, đề án thăm dò được lập và phê duyệt. Đối với một số khu vực mỏ, khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Phụ lục XIV

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN CỦA TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
I	**NHÓM CÁC DỰ ÁN THUỘC QUY HOẠCH NGÀNH QUỐC GIA**	
I.1	**GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**	
	Đầu tư mở rộng Phân hiệu trường Đại học Nông lâm	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm - Huyện Ninh Hải
II	**NHÓM CÁC DỰ ÁN THEO PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**	
II.1	**GIAO THÔNG**	
1	Đường sắt nối từ Cảng Cà Ná đến ga Cà Ná	Huyện Thuận Nam
2	Xây dựng đường gom dọc theo tuyến đường sắt Bắc Nam và các công trình phụ trợ để xóa lối đi tự mở	Các huyện: Thuận Nam, Ninh Phước, Ninh Sơn, Thuận Bắc
3	Đường tránh QL 27	Huyện Ninh Sơn
4	Đường vành đai phía Bắc tỉnh Ninh Thuận (ĐT.702B)	Huyện Ninh Hải, Huyện Thuận Bắc, Huyện Bác Ái và Huyện Ninh Sơn
5	Đường vành đai phía Đông Nam từ đường tỉnh 703 đến đường tỉnh 701 (ĐT.701B)	Huyện Ninh Phước và Huyện Ninh Sơn
6	Đường vành đai phía Đông Nam đoạn từ Quốc lộ 27 đến đường tỉnh 703 (ĐT.701B)	Huyện Ninh Phước
7	Đường Văn Lâm - Sơn Hải (ĐH51)	Huyện Thuận Nam
8	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (ĐT.709D)	Huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận và Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
9	Đường giao thông kết nối Đập hạ lưu sông Dinh đến đường Hải Thượng Lãn Ông	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
10	Đường Tân Mỹ - Phước Tiến (ĐT.707B)	Huyện Ninh Sơn, Huyện Bác Ái
11	Đường nối từ cao tốc Bắc Nam về thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (ĐT.705B)	Huyện Ninh Sơn, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
12	Đường nối từ cao tốc Bắc Nam với QL1 và cảng biển Cà Ná (ĐT.709C)	Huyện Thuận Nam
13	Mở rộng đường 21/8 (QL27)	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
14	Đường tỉnh 703 kéo dài	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm và Huyện Thuận Bắc
15	Đường giao thông kết nối từ Cảng biển Cà Ná lên các tỉnh Nam Tây nguyên	Huyện Thuận Nam - Ninh Sơn
16	Mở rộng đường 704	Huyện Ninh Hải
II.2	**LÂM NGHIỆP**	
17	Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1 tại tỉnh Ninh Thuận	Các huyện
II.3	**THỦY LỢI VÀ THOÁT NƯỚC**	
18	Hồ Ma Nới	Huyện Ninh Sơn
19	Hồ Đồng Nha	Huyện Thuận Bắc
20	Hồ chứa nước Tân Giang 2	Huyện Thuận Nam
21	Kiên cố hóa kênh Tân Hội, Tấn Tài - đập Nha Trinh	Huyện Ninh Sơn, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
22	Xây dựng công trình liên thông cụm hồ Tân Giang - Sông Biêu - Suối Lớn	Huyện Ninh Phước - Huyện Thuận Nam
23	Xây dựng đường ống tiếp nước từ Đường ống Tân Mỹ về các hồ chứa Bà Râu và Sông Trâu	Huyện Ninh Sơn - Huyện Thuận Bắc
24	Xây dựng kênh chuyển nước Tân Giang - Sông Biêu	Huyện Ninh Phước
25	Hệ thống kênh tưới của Hồ chứa nước sông Than	Các huyện
26	Xây dựng đường ống tưới Hồ Sông Than và các hồ phía Nam tỉnh	Huyện Ninh Sơn, Huyện Thuận Nam các các huyện có liên quan
27	Đường ống cấp nước từ Hồ Sông Trâu đến các khu du lịch phía Bắc	Huyện Thuận Bắc

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
28	Kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ	Các huyện
29	Cải tạo nâng cấp trục tiêu Lu I, Lu II, Sông Quao	Huyện Ninh Phước
30	Mở rộng hệ thống đập 19-5	Huyện Bác Ái
31	Cải tạo kênh tiêu thoát lũ kết hợp nâng cao bờ bao bảo vệ khu sản xuất lúa giống Nha Hố	Huyện Ninh Sơn
32	Kè chống sạt lở khu vực khu vực bờ sông, bờ biển	Các huyện, Thành phố
II.4	**Y TẾ**	
33	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh - Cơ sở 2 (Bệnh viện Giao thông Vận tải Tháp chàm cũ)	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
34	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện chuyên khoa Da liễu - Tâm thần tỉnh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
35	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
36	Nâng cấp, mở rộng Trường Trung cấp Y tế	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
37	Nâng cấp Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm và Thiết bị Y tế	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
38	Mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
39	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Mắt	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
40	Xây dựng Bệnh viện Sản Nhi	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
41	Xây dựng Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm
II.5	**GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**	
42	Đầu tư xây dựng mới 01 trường THPT công lập	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
43	Trường cao đẳng nghề Ninh Thuận	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
44	Nâng cấp mở rộng các Trường THPT	Các huyện, Thành phố
45	Đầu tư xây dựng 03 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện	Huyện Bác Ái, huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam
II.6	**LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI**	
46	Dự án Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2 - Cơ sở 1)	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
47	Xây dựng trung tâm công tác xã hội (cơ sở 3) - chăm sóc trẻ em khuyết tật nặng	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
II.7	**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	
48	Dự án xây dựng Phòng thí nghiệm và các Xưởng, trạm trại của Trung tâm nghiên cứu, Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi và Thủy sản	Huyện Ninh Phước
49	Dự án tăng cường trang thiết bị Trung tâm Thông tin - Ứng dụng KH&CN	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
50	Dự án xây dựng Trung tâm Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Thuận (bao gồm cả xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ/ươm tạo doanh nghiệp)	Huyện Ninh Hải
51	Dự án xây dựng Sàn giao dịch công nghệ tỉnh Ninh Thuận (hoàn thiện hoạt động môi giới chuyển giao, ứng dụng KH&CN)	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
52	Dự án xây dựng nhà quản lý kỹ thuật chuyên ngành và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về đo lường của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
II.8	**VĂN HÓA - THỂ DỤC, THỂ THAO**	
53	Trung tâm biểu diễn văn hóa nghệ thuật tỉnh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
54	Khu bảo tồn văn hóa Raglai	Huyện Bác Ái
55	Khu bảo tồn văn hóa Chăm	Huyện Ninh Phước
56	Trung tâm TDTT và nhà thi đấu đa năng tỉnh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
57	Nâng cấp sân vận động tỉnh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
II.9	**ĐÔ THỊ VÀ NHÀ Ở**	
58	Dự án cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 - hợp phần tỉnh Ninh Thuận	Toàn tỉnh Ninh Thuận
59	Dự án bố trí dân cư vùng sạt lở ven biển Cà Ná	Huyện Thuận Nam
II.10	**HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP**	
60	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thành Hải	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

B. DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CÁC NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
I	**NHÓM CÁC DỰ ÁN THUỘC QUY HOẠCH NGÀNH QUỐC GIA**	
I.1	**GIAO THÔNG**	
1	Xây mới Đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt *	Tỉnh Ninh Thuận - tỉnh Lâm Đồng
2	Cảng tổng hợp Cà Ná (giai đoạn 2)	Huyện Thuận Nam
3	Cảng cạn Cà Ná	Huyện Thuận Nam
4	Đầu tư Cảng hàng không Thành Sơn	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
II	**NHÓM CÁC DỰ ÁN THEO PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**	
II.1	**GIAO THÔNG**	
1	Bến thủy nội địa	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Huyện Ninh Hải, Huyện Ninh Phước và Huyện Thuận Nam
II.2	**CẤP NƯỚC**	
2	Nâng cấp nhà máy cấp nước Tháp Chàm quy mô 120.000 m^3/ngđ	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
3	Nhà máy nước Lợi Hải	Huyện Thuận Bắc
4	Nhà máy nước Cà Ná - Phước Nam	Huyện Ninh Phước

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
5	Nhà máy nước hồ Tân Mỹ	Huyện Bác Ái
6	Nhà máy nước Du Long	Huyện Thuận Bắc
II.3	**BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**	
7	Tổng đài vệ tinh các huyện, thành phố	các huyện, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
II.4	**KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN**	
8	Khu xử lý chất thải vùng phía Tây	Huyện Ninh Sơn
9	Khu xử lý chất thải vùng phía Nam	Huyện Thuận Nam
II.5	**GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**	
10	Đầu tư xây dựng trường liên cấp Trung học cơ sở - Trung học phổ thông tại KCN Cà Ná	Huyện Thuận Nam
11	Đầu tư xây dựng trường liên cấp Trung học cơ sở - Trung học phổ thông tại KCN Du Long	Huyện Thuận Bắc
II.6	**HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP**	
12	Hạ tầng Khu công nghiệp Cà Ná	Huyện Thuận Nam
13	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Du Long	Huyện Thuận Bắc
14	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Phước Nam	Huyện Thuận Nam
15	Hạ tầng các Cụm công nghiệp	Các Huyện, Thành phố
C. DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH		
STT	**Danh mục dự án**	**Địa điểm**
I	**NHÓM CÁC DỰ ÁN THEO PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH LỰC**	
I.1	**NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO**	
1	Vùng sản xuất tôm giống Nhơn Hải	Huyện Ninh hải
2	Vùng sản xuất tôm giống An Hải	Huyện Ninh Phước
3	Vùng sản xuất tôm giống Sơn Hải	Huyện Thuận Nam

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
4	Vùng sản xuất rau Nhơn Hải	Huyện Ninh Hải
5	Vùng sản xuất rau An Hải	Huyện Ninh Phước
6	Vùng sản xuất rau Tân Lập	Huyện Ninh Sơn
7	Vùng sản xuất rau Lợi Hải	Huyện Thuận Bắc
8	Vùng sản xuất rau Phước Tiến	Huyện Bác Ái
9	Vùng sản xuất cây ăn quả Phước trung	Huyện Bác Ái
10	Vùng sản xuất nho Vĩnh Hải	Huyện Ninh hải
11	Vùng sản xuất nho rượu Mỹ Sơn - Ninh Sơn	Huyện Ninh Sơn
12	Vùng chăn nuôi gia súc có sừng Phước Ninh, Nhị Hà	Huyện Thuận Nam
13	Vùng sản xuất mía đường Phước thắng (Xã Phước Thắng, huyện Bác Ái)	Huyện Bác Ái
14	Vùng sản xuất mía đường Quảng Sơn	Huyện Ninh Sơn
15	Vùng trồng trọt thuộc vùng tưới hệ thống thủy lợi Tân Mỹ;	Huyện Ninh Hải, Huyện Ninh Sơn, Huyện Bác Ái
16	Vùng sản xuất nông nghiệp Thành Sơn - Phước Nhơn	Huyện Ninh Sơn - Huyện Bác Ái
I.2	**DU LỊCH**	
17	Khu du lịch tại Bình Tiên (bao gồm sân gôn)	Huyện Thuận Bắc
18	Khu du lịch tại Ninh Chữ	Huyện Ninh Hải
19	Khu du lịch tại Vĩnh Hy	Huyện Ninh Hải
20	Khu du lịch tại Mũi Dinh	Huyện Thuận Nam.
21	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp tại Hòn Đỏ	Huyện Ninh Hải
22	Khu nghỉ dưỡng cao cấp tại Vĩnh Hy	Huyện Ninh Hải
23	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp dọc đường ven biển phía Nam đoạn Mũi Dinh - Cà Ná	Huyện Thuận Nam
24	Khu du lịch vịnh Mũi Dinh	Huyện Thuận Nam
25	Khu Du lịch biển Bình Sơn - Ninh Chữ	Thành phố Phan Rang Tháp Chàm
26	Khu nghỉ dưỡng cao cấp Vĩnh Hy	Huyện Ninh Hải
27	Khu nghỉ dưỡng tại Vĩnh Hy	Huyện Ninh Hải
28	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng tại khu vực Suối Tiên	Huyện Thuận Bắc

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
29	Khu nghỉ dưỡng cao cấp tại Mũi Dinh-Cà Ná	Huyện Thuận Nam
30	Khu du lịch Mũi Dinh và công viên nước sa mạc	Huyện Thuận Nam
31	Khu du lịch sinh thái tại khu vực Bãi Hõm	Huyện Ninh Hải
32	Khu du lịch nghỉ dưỡng vườn san hô	Huyện Ninh Hải
33	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp tại khu vực Bãi Chuối	Huyện Ninh Hải
34	Khu dịch vụ du lịch Bãi Cóc trong - Bãi Cóc ngoài	Huyện Ninh Hải
35	Khách sạn và khu nghỉ dưỡng	Huyện Ninh Hải
36	Khu du lịch nghỉ dưỡng gắn với trang trại trồng nho, nhà máy rượu vang nho Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải
37	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp tại khu vực Bãi Hời	Huyện Ninh Hải
38	Trung tâm dịch vụ du lịch	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
39	Tổ hợp khách sạn, khu thương mại, căn hộ du lịch	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
40	Khu nghỉ dưỡng cao cấp tiêu chuẩn Quốc tế 5 sao kết hợp với tuyến phố thương mại ẩm thực	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
41	Khách sạn du lịch biển	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
42	Khu du lịch nghỉ dưỡng tại khu vực Bình Sơn, Ninh Chữ	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
43	Khu du lịch nghỉ dưỡng tại khu vực Phước Tân	Huyện Bác Ái
44	Khu du lịch sinh thái Cà Ná	Huyện Thuận Nam
45	Dự án du lịch nghỉ dưỡng Mũi Dinh	Huyện Thuận Nam
46	Dự án Du lịch tại khu vực bãi đá trứng, xã Phước Dinh	Huyện Thuận Nam
47	Khu du lịch sinh thái tại khu vực đỉnh Núi Chúa	Huyện Ninh Hải
I.3	**ĐIỆN VÀ NĂNG LƯỢNG**	
a	**Các dự án thuộc Quy hoạch điện VIII, Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ thực hiện giai đoạn 2021 - 2030**	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
a1)	**Các dự án Thủy điện**	
48	Nhà máy thủy điện Thượng Sông Ông 2	Huyện Ninh Sơn
49	Nhà máy thủy điện Phước Hòa	Huyện Bác Ái - Ninh Sơn
50	Thủy điện Lâm Sơn (Ninh Sơn)	Huyện Ninh Sơn
51	Thủy điện Hạ Mỹ Sơn (Ninh Sơn)	Huyện Ninh Sơn
52	Thủy điện Phước Sơn (Bác Ái)	Huyện Bác Ái
53	Thủy điện Đa Nhim MR2 (Ninh Sơn)	Huyện Ninh Sơn
54	Thủy điện tích năng Phước hòa	Huyện Bác Ái - Ninh Sơn
55	Thủy điện tích năng Bác Ái	Huyện Bác Ái - Ninh Sơn
a2)	**Các dự án điện LNG**	
56	Nhà máy điện khí LNG Cà Ná	Huyện Thuận Nam
a3)	**Các dự án điện gió**	
57	Nhà máy điện gió Đầm Nại 3	Huyện Thuận Bắc và Ninh Hải
58	Nhà máy điện gió Đầm Nại 4	Huyện Thuận Bắc và Ninh Hải
59	Nhà máy điện gió Việt Nam POWER số 1[1]	Huyện Thuận Nam
60	Nhà máy điện dùng năng lượng tái tạo Phước Nam - Enfinity - Ninh Thuận [2]	Huyện Thuận Nam
61	Nhà máy điện gió khu vực Đồng Muối Quán Thẻ	Huyện Thuận Nam
62	Nhà máy điện gió (vị trí ĐMT Thuận Nam 5)	Huyện Thuận Nam
63	Nhà máy điện gió An Phong [3]	Huyện Ninh Phước - Thuận Nam
64	Nhà máy điện gió Công Hải 1 GĐ1	Huyện Thuận Bắc
65	Nhà máy điện gió Công Hải 1 GĐ2	Huyện Thuận Bắc
66	Nhà máy điện gió Phước Hải (vị trí số 7B)	Huyện Ninh Phước - Thuận Nam
67	Nhà máy điện gió Hồ Bầu Ngứ	Huyện Ninh Phước - Thuận Nam
68	Nhà máy điện gió số 17 (Phước Dân)	Huyện Ninh Phước
69	Nhà máy điện gió Phước Hải (vị trí số 9)	Huyện Thuận Nam

[1] Dự án 81được phê duyệt theo Công văn số 795/TTg-CN ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung danh mục các dự án điện gió vào quy hoạch phát triển điện lực.

[2+3] Dự án được phê duyệt theo Quyết định số 2574/QĐ-BCT ngày 23/4/2013 của Bộ Công thương về việc phê duyệt "Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030".

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
70	Nhà máy điện gió Hồ Núi Một	Huyện Thuận Nam
71	Nhà máy điện gió Thuận Nam	Huyện Thuận Nam
72	Nhà máy điện gió điện năng hỗn hợp Ninh Phước, Thuận Nam	Huyện Thuận Nam - Ninh Phước
73	Nhà máy điện gió Phước Hà	Huyện Thuận Nam
74	Nhà máy điện gió Phước Dinh	Huyện Thuận Nam
75	Nhà máy điện gió Bắc Sơn	Huyện Thuận Bắc
76	Nhà máy điện gió Ninh Hải	Huyện Ninh Hải
77	Nhà máy điện gió Tri Hải	Huyện Ninh Hải
78	Nhà máy điện gió ven biển Ninh Thuận V1	Huyện Ninh Hải
79	Nhà máy điện gió ven biển Phước Dinh V2	Huyện Thuận Nam
80	Nhà máy điện gió ven biển Ninh Thuận V3	Huyện Thuận Nam
81	Điện gió ngoài khơi	Tại các khu vực vùng tiềm năng biển ngoài khơi tỉnh Ninh Thuận
82	Điện gió ngoài khơi vị trí nằm ngoài 6 hải lý	Tại các khu vực vùng tiềm năng biển ngoài khơi tỉnh Ninh Thuận
b	**Các dự án tiềm năng**	
b1	**Các dự án thủy điện**	
83	Thủy điện tích năng Ninh Sơn	Huyện Ninh Sơn
84	Thủy điện tích năng Cà Ná	Huyện Thuận Nam
85	Thủy điện tích năng Phước Chiến	Huyện Thuận Bắc
86	Thủy điện tích năng Phước Đại	Huyện Bác Ái
b2	**Các dự án điện LNG**	
87	Nhà máy điện LNG Cà Ná (nâng công suất)	Huyện Thuận Nam
c	**Các dự án điện mặt trời xem xét sau năm 2030 (được triển khai trong kỳ quy hoạch nếu thực hiện theo hình thức tự sản, tự tiêu)**	
88	Dự án điện mặt trời Phước Hữu 2 (GĐ 2)	Huyện Ninh Phước
89	Dự án nhà máy trang trại điện mặt trời Phước Trung	Huyện Bác Ái
I.4	**CÔNG NGHIỆP**	
90	Tổ hợp công nghệ xanh và hóa chất sau muối	Huyện Thuận Nam

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
91	Dự án chế tạo thiết bị điện gió, điện mặt trời	Huyện Thuận Nam
92	Xây dựng khu phụ trợ ngành muối và các sản phẩm sau muối	Huyện Thuận Nam
93	Nhà máy sản xuất Hydrogen, hydro xanh	Huyện Thuận Nam
94	Nhà máy sản xuất Thép xanh	Huyện Thuận Nam
95	Nhà máy luyện Nhôm	Huyện Thuận Nam
I.5	**THƯƠNG MẠI**	
96	Trung tâm logistics Cà Ná	Huyện Thuận Nam
97	Trung tâm Logistics Ninh Chữ	Huyện Ninh Hải
98	Trung tâm thương mại Tháp Chàm	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
99	Trung tâm thương mại huyện Thuận Nam	Huyện Thuận Nam
100	Siêu thị các huyện, thành phố	các huyện, thành phố
101	Trung tâm thương mại	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
102	Dự án Trung tâm Thương mại Dịch vụ tại Phước Diêm	Huyện Thuận Nam
103	Khu thương mại dọc QL 1A đối diện Trung tâm hành chính huyện và Trạm dừng nghỉ	Huyện Thuận Bắc
104	Kho xăng dầu Ninh Thuận	Huyện Thuận Nam
105	Kho xăng dầu Cà Ná	Huyện Thuận Nam
I.6	**ĐÔ THỊ VÀ NHÀ Ở**	
106	Xây dựng các khu đô thị mới, khu đô thị - du lịch	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và các huyện ven biển: Ninh Hải, Thuận Bắc, Ninh Phước, Thuận Nam
107	Xây dựng cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, khu dân cư, khu đô thị mới	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và các huyện Ninh Hải, Thuận Bắc, Ninh Phước, Thuận Nam, Ninh Sơn, Bác Ái
108	Xây dựng các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và các huyện Ninh Hải, Thuận Bắc, Ninh Phước, Thuận Nam, Ninh Sơn, Bác Ái

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
I.7	**THỂ THAO**	
109	Sân gôn tại hồ Trà Co	Huyện Bác Ái
110	Sân gôn tại hồ Ma Trai và hồ Sông Trâu	Huyện Thuận Bắc
111	Sân gôn tại Mũi Dinh	Huyện Thuận Nam
112	Sân gôn khu vực Nam Sông Dinh	Huyện Ninh Phước
113	Sân gôn Đồi cát Phước Dinh	Huyện Thuận Nam
114	Sân gôn tại Hòn Dài- sông Dinh	Huyện Ninh Phước
115	Sân gôn khu vực huyện Ninh Sơn	Huyện Ninh Sơn
116	Sân gôn tại hồ Lanh Ra	Huyện Ninh Phước
117	Sân gôn khu vực Hồ Sông Than	Huyện Ninh Sơn
I.8	**ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN**	
118	Thăm dò xác định trữ lượng đá xây dựng	Các huyện, Thành phố
119	Thăm dò xác định trữ lượng sét gạch ngói	Các huyện
120	Thăm dò xác định trữ lượng cát xây dựng	Các huyện
121	Thăm dò xác định trữ lượng đá chẻ xây dựng	Các huyện, Thành phố
122	Thăm dò xác định trữ lượng vật liệu san lấp	Các huyện

Ghi chú:

* Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trịnh lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư các dự án tại Phụ lục này.

* Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

* Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp các địa phương hoặc nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai sớm hơn.

* Đối với phương án đấu nối các dự án nguồn điện sẽ được triển khai thực hiện theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

* Các dự án Khu đô thị và Khu dân cư sẽ được cụ thể hóa trong Chương trình phát triển đô thị và Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh.

Phụ lục XV

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1:50.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:50.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1:50.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1:50.000
5	Sơ đồ, bản đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1:50.000
6	Sơ đồ, bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:50.000
7	Sơ đồ, bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:50.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng huyện	1:50.000

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng